

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bộ Công thương

KHUNG CHÍNH SÁCH DÂN TỘC THIỂU SỐ

cho

**DỰ ÁN THÚC ĐẨY TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG TRONG
CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM**

06/2018

MỤC LỤC

CHỮ VIẾT TẮT	2
PHẦN 1. GIỚI THIỆU	3
1.1. MÔ TẢ DỰ ÁN	3
1.2. KHUNG CHÍNH SÁCH DÂN TỘC THIỂU SỐ (EMPF)	9
1.3. CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM	10
PHẦN 2. NHỮNG TÁC ĐỘNG TIỀM TÀNG CỦA DỰ ÁN.....	13
2.1 LỢI ÍCH TIỀM NĂNG ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG	13
2.2 TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC ĐẾN CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	13
PHẦN 3. KHUNG PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DÂN TỘC THIỂU SỐ.....	15
3.1 HIỆN TRẠNG PHÁP LÝ VỀ DÂN TỘC THIỂU SỐ	15
3.2 CHÍNH SÁCH VÀ QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA VIỆT NAM VỀ DÂN TỘC THIỂU SỐ.....	15
3.3 CÁC CHÍNH SÁCH CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ	16
PHẦN 4. THAM VẤN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	18
PHẦN 5. PHẢN NÀN VÀ KHIẾU NẠI.....	24
PHẦN 6. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ	27
PHẦN 7. HƯỚNG DẪN LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ (EMDP)	28
7.1 NHỮNG NGUYÊN TẮC DỰ ÁN ĐỐI VỚI KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ	28
7.2 NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ VIỆC THU HỒI ĐẤT VÀ TÁI ĐỊNH CƯ CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ ..	28
7.3 LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ	29

Chữ viết tắt

AP	Người bị ảnh hưởng
CEMA	Ủy ban Dân tộc
CPEE	Tiết kiệm năng lượng và Sản xuất sạch hơn
DP	Người phải di dời
DPC	Ủy ban Nhân dân huyện
EE	Tiết kiệm/ Hiệu quả năng lượng
EMDP	Kế hoạch Phát triển Dân tộc thiểu số
EMPF	Khung Chính sách Dân tộc thiểu số
EMs	Dân tộc thiểu số
ESCOs	Các công ty dịch vụ năng lượng
GFU	Đơn vị giải quyết khiếu nại
IA	Cơ quan thực hiện/ thực thi
IBRD	Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế
IDA	Hiệp hội Phát triển Quốc tế
IEs	Các doanh nghiệp công nghiệp
MOIT	Bộ Công thương
MONRE	Bộ Tài nguyên & Môi trường
NOL	Thư không phản đối của WB
OP	Chính sách hoạt động
PB	Ngân hàng tham gia
PC	Ủy ban Nhân dân
PCR	nguồn tài nguyên văn hóa vật thể
PFI	Các tổ chức tài chính tham gia
PMB	Ban Quản lý Dự án VEEIEs
PMU	Đơn vị Quản lý Dự án, đại diện cho Chủ Dự án
PO	Chủ Dự án
PPC	Ủy ban Nhân dân tỉnh
RPF	Khung Chính sách Tái định cư
SA	Đánh giá xã hội
TA	Hỗ trợ kỹ thuật
VEEIEs	Dự án Hiệu quả Năng lượng cho các Doanh nghiệp Công nghiệp ở Việt Nam
WB	Ngân hàng Thế giới
PIE	Đơn vị thực hiện chương trình chuyên nghiệp
RSF	Quỹ chia sẻ rủi ro
GCF	Quỹ Khí hậu Xanh

PHẦN 1. GIỚI THIỆU

1.1. Mô tả Dự án

Việt Nam là một trong những nước có cường độ sử dụng năng lượng lớn nhất trong khu vực Đông Á, nhu cầu năng lượng tăng khoảng 10% trong giai đoạn 2001-2010, trong đó nhu cầu về điện tăng khoảng 13%/năm trong giai đoạn 2001-2010 và khoảng 11% trong giai đoạn 2011-2015. Theo Thông kê năng lượng năm 2015, tổng cung cấp năng lượng sơ cấp của Việt Nam là 70.588 KTOE. Trong cơ cấu tiêu thụ năng lượng quốc gia, các ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhất, khoảng 47,3% tổng năng lượng sử dụng cuối cùng. Tăng trưởng công nghiệp nhanh và sử dụng năng lượng kém hiệu quả trong công nghiệp là những yếu tố chính làm cho cường độ năng lượng của Việt Nam vẫn duy trì ở mức cao so với các nước trên thế giới.

Theo dự báo, các nguồn năng lượng trong nước ngày càng khan hiếm, tiềm năng thủy điện lớn hầu như đã khai thác hết, nguồn năng lượng sơ cấp và hóa thạch ngày càng cạn kiệt, các nguồn năng lượng tái tạo như thủy điện nhỏ, gió, mặt trời và các dạng năng lượng khác vẫn còn nhiều rào cản về cơ chế tài chính, chi phí đầu tư và rào cản công nghệ.

Trong những thập kỷ tới, nhu cầu năng lượng của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng cao, sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng nhập khẩu sẽ ảnh hưởng đến an ninh năng lượng, chịu tác động của giá năng lượng trên thị trường khu vực và quốc tế. Ngoài ra, chi phí đầu tư cho cung cấp năng lượng ở Việt Nam rất lớn, khoảng 14-15 tỷ đô la Mỹ mỗi năm. Chi tính riêng đối với ngành điện, yêu cầu về vốn đầu tư cho các nguồn phát và hệ thống truyền tải, phân phối lên tới 7,9 đến 10,8 tỷ đô la Mỹ hàng năm.

Theo quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030 điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 18 tháng 3 năm 2016 (Quy hoạch điện VII điều chỉnh) thì từ nay đến năm 2030, năng lượng phải đáp ứng đủ nhu cầu điện cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7,0%/năm. Cũng theo kịch bản này, tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện toàn quốc trong các giai đoạn tới mặc dù sẽ giảm đáng kể so với trước đây nhưng vẫn ở mức rất cao nếu so sánh với các nước trên thế giới, cụ thể là 10,6%/năm (giai đoạn 2016 - 2020), 8,5%/năm (giai đoạn 2021-2025) và 7,5%/năm (giai đoạn 2026 - 2030). Tổng công suất đặt của toàn hệ thống hiện nay khoảng 45.000 MW, theo tính toán có thể đạt khoảng 60.000 MW vào năm 2020 và dự kiến lên đến 129.500 MW vào năm 2030. Đây là một thách thức lớn đặt ra với ngành năng lượng trong việc đảm bảo thu xếp và huy động nguồn vốn đầu tư để mở rộng, nâng cấp lưới điện truyền tải, phân phối, đầu tư, phát triển nguồn điện mới cũng như cung ứng đủ các nguồn năng lượng sơ cấp cho các nhà máy điện.

Theo báo cáo nghiên cứu kịch bản phát triển các bon thấp của Ngân hàng Thế giới (WB) năm 2011, Việt Nam có thể tiết kiệm tới 11 GW công suất các nguồn phát mới vào năm 2030 nếu nỗ lực thực hiện tối đa các biện pháp đầu tư TKNL, đặc biệt là ở khối các doanh nghiệp công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng như sắt thép, xi măng có khả năng cắt giảm đến 30% phát thải khí nhà kính từ hoạt động này.

Tại Hội nghị các Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc (UNFCCC) về biến đổi khí hậu lần thứ 21 (COP21), Việt Nam đã cam kết thực hiện việc cắt giảm khí nhà kính 8% bằng nguồn lực trong nước và tăng lên 25% nếu có sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế giai đoạn 2021-2030 so với kịch bản phát triển thông thường. Theo báo cáo Đóng góp quốc gia tự xác định (NDC) của Việt Nam, phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng chiếm đến 85% tổng phát thải khí nhà kính quốc gia vào năm 2030. Do đó, việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, nếu được tổ chức và thực hiện tốt sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn

nguồn năng lượng của quốc gia, giúp cho nền kinh tế phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, giúp thực hiện cam kết của Việt Nam với cộng đồng quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

Để đáp ứng nhu cầu năng lượng của quốc gia, đồng thời thực hiện nghĩa vụ cắt giảm phát thải khí nhà kính theo cam kết với cộng đồng quốc tế, Việt Nam cần thực hiện các biện pháp hướng tới mục tiêu phát triển bền vững đối với ngành năng lượng. Một trong những giải pháp mang tính chiến lược là sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong toàn xã hội, trong đó tập trung vào các ngành, lĩnh vực tiêu thụ năng lượng lớn như xi măng, thép, hóa chất, các ngành công nghiệp sản xuất và chế biến thực phẩm, hàng tiêu dùng,... Thực tiễn đã chứng minh, đầu tư cho tiết kiệm năng lượng là giải pháp đa mục tiêu vừa tiết kiệm tài nguyên, giảm ô nhiễm môi trường, hiệu quả về kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, tăng năng lực cạnh tranh cho các ngành công nghiệp vì giảm giá thành sản xuất, tiết kiệm các chi phí cho năng lượng của doanh nghiệp.

Do đó, đề xuất triển khai Dự án “Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp ở Việt Nam” có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội đất nước và bảo vệ môi trường, tạo tiền đề tốt để thúc đẩy các hoạt động tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính của Việt Nam trong lĩnh vực công nghiệp và năng lượng, triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và thực hiện NDC của Việt Nam giai đoạn 2021-2030. Đồng thời, Dự án cũng sẽ góp phần quan trọng trong việc triển khai các chính sách ưu tiên của quốc gia về tiết kiệm và đảm bảo an ninh năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường.

Theo Hợp phần 1, Dự án sẽ cung cấp các bảo lãnh một phần rủi ro tín dụng cho các tổ chức tài chính tham gia (PFIs) để bảo lãnh các khoản vay dành cho các doanh nghiệp công nghiệp (IE) và các công ty dịch vụ năng lượng (ESCO) đầu tư cho tiết kiệm năng lượng. Các doanh nghiệp công nghiệp thực hiện dự án vốn vay để đầu tư, thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng cho các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng như xi măng, sắt thép, giấy và bột giấy, của cả khu vực nhà nước và tư nhân; sử dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng tiềm năng bao gồm: (a) áp dụng công nghệ công nghiệp tiết kiệm năng lượng (như nồi hơi công nghiệp, lò nung, và hệ thống trao đổi nhiệt hiệu quả); (b) Thu hồi và tận dụng chất thải và nhiệt thải; (c) lắp đặt thiết bị cơ khí và điện hiệu quả cao (ví dụ như động cơ, máy bơm, thiết bị sưởi ấm và thông gió); và (d) tối ưu hóa hệ thống công nghiệp để giảm thiểu sử dụng năng lượng. Theo hợp phần 2, Dự án sẽ cung cấp các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực khác nhau cho MOIT, IE, PFI để thúc đẩy phát triển chính sách hiệu quả năng lượng, sự tham gia thương mại và các hiệp định tự nguyện của ngành.

Mục tiêu phát triển dự án (PDO): Thúc đẩy sử dụng hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp của Việt Nam thông qua huy động tài chính thương mại.

Các hợp phần của dự án: Dự án gồm Hai hợp phần có tương quan và phối hợp chặt chẽ với nhau. Dự án bổ sung cho dự án VEEIE (Dự án Tiết kiệm năng lượng cho ngành công nghiệp Việt Nam) bằng cách hỗ trợ đầu tư tiết kiệm năng lượng tương tự trong lĩnh vực công nghiệp và chia sẻ các thỏa thuận thực hiện.

- **Hợp phần 1- Quỹ chia sẻ rủi ro (RSF): Gồm viện trợ không hoàn lại 3,0 triệu USD và 75 triệu đô la vốn bảo lãnh của GCF.** Quỹ chia sẻ rủi ro sẽ cung cấp các bảo lãnh một phần rủi ro tín dụng (Tiểu bảo lãnh) cho các tổ chức tài chính tham gia (PFIs) để bảo lãnh các khoản vay dành cho các doanh nghiệp công nghiệp (IE) và các Công ty dịch vụ năng lượng (ESCOs) đầu tư cho các tiêu dự án tiết kiệm năng lượng đáp ứng các điều kiện. Cùng với nguồn tài chính từ dự án, các doanh nghiệp và ngân hàng tham gia cũng đóng góp thu hút nguồn lực tài chính từ khu vực tư nhân vào hoạt động tiết kiệm năng lượng. Các điều khoản bảo lãnh ưu đãi của GCF giúp các PFIs và các bên tham gia khác trên thị trường làm quen với những rủi ro của tài trợ TKNL với chi phí thấp hơn.

Hợp phần này bao gồm 2 hợp phần phụ:

Hợp phần 1 (a) (75 triệu đô la vốn bảo lãnh của GCF): Quỹ chia sẻ rủi ro sẽ do một Đơn vị thực hiện chương trình bảo lãnh (the PIE) quản lý và phát hành. PIE sẽ là một ngân hàng thương mại được Bộ Công thương lựa chọn. Bảo lãnh GCF sẽ được yêu cầu nếu thất thoát vốn thực tế (khoản chi trả bảo lãnh) xảy ra đối với các khoản PFIs cho IEs/ESCO vay. Phạm vi rủi ro bao gồm mất khả năng trả nợ, trả gốc và lãi theo lịch hoặc thu hồi nợ gốc nhanh. Mức dự kiến bảo lãnh là 50% giá trị thất thoát trong toàn bộ tuổi thọ dự án. RSF sẽ được hỗ trợ bởi một khoản bảo lãnh do Ngân hàng phát hành và được bảo lãnh GCF để bù đắp rủi ro thiếu hụt vốn trong RSF. Nếu vốn trong Quỹ không đủ để đáp ứng tất cả các yêu cầu, điều này sẽ chỉ xảy ra nếu thất thoát thực tế vượt quá thất thoát trong dự kiến.

Component 1(b) (Viện trợ không hoàn lại 3,0 triệu USD): được sử dụng để trang trải cho chi phí hoạt động của Quỹ chia sẻ rủi ro, thông qua chi phí hành chính (do Bộ Công thương trả cho PIE) và được sử dụng một phần để chi trả cho các khoản thanh toán có thể xảy ra của các "Tiêu bảo lãnh" trong giai đoạn đầu hoạt động.

PFIs được linh hoạt trong sử dụng Hợp phần 1 hoặc khoản vay IBRD theo VEEIE cho ba loại tiêu dự án tiết kiệm năng lượng: (i) các tiêu dự án "chỉ dùng khoản vay IBRD" khi các PFI cảm thấy yên tâm khi chịu hoàn toàn các rủi ro tín dụng và cần thanh toán từ khoản vay IBRD cho các dự án đó; (ii) các tiêu dự án "chỉ dùng bảo lãnh RSF" khi các PFI sẵn sàng trả tiền để tăng cường tín dụng mà không cần thanh khoản bên ngoài; và (iii) các tiêu dự án "dùng cả IBRD/RSF" khi các PFIs cần cả hai nguồn này để giảm thiểu rủi ro và hỗ trợ kinh phí từ cả hai quỹ. Ở loại thứ ba này, các tiêu dự án sẽ được hỗ trợ từ cả khoản vay IBRD và RSF, miễn là hai quỹ đó hỗ trợ cho các phần vay khác nhau. Đặc biệt là nếu mức vay lớn, khuyến khích PFI tài trợ một phần từ khoản vay IBRD, bao gồm cả đồng tài trợ theo yêu cầu, và tài trợ cho phần còn lại từ các nguồn lực của mình với sự hỗ trợ giảm thiểu rủi ro từ GCF-RSF. Bằng cách kết hợp hai phần khác nhau như vậy, các PFIs có thể tiếp cận từ cả hai nguồn, một là từ khoản vay của Ngân hàng Thế giới và hai là giảm thiểu rủi ro tín dụng từ Quỹ với chi phí thấp cho một tiêu dự án, tính toán khối lượng của từng khoản vay sao cho có lợi.

Khi một phần các tiêu dự án trình nộp xin bảo lãnh thuộc Hợp phần 1, đặc biệt là loại thứ hai nêu trên, có thể có khả năng trả nợ thấp hơn một chút so với các tiêu dự án trong Khoản vay IBRD, các tiêu chuẩn thẩm định và tín dụng tương tự sẽ được áp dụng cho cả Hợp phần 1 và Khoản vay IBRD để đảm bảo rằng tất cả các dự án đều đáp ứng các yêu cầu tối thiểu. Trong Hợp phần 1, PFIs sẽ chỉ được bảo lãnh một phần để chia sẻ rủi ro giữa các PFIs và Quỹ và để khuyến khích các PFIs thực hiện việc thẩm định khoản vay chi tiết như họ áp dụng cho bất kỳ khoản vay nào.

Quyết định về phương thức hỗ trợ nào được sử dụng cuối cùng tùy thuộc vào PFIs. Tất cả các tiêu dự án EE cần phải đáp ứng các yêu cầu hợp lệ như nhau để được xem xét cho Hợp phần 1 hoặc Khoản vay IBRD nhưng nhu cầu tài chính của chúng có thể khác nhau. Khoản vay IBRD cung cấp tài chính tương đối dài hạn bằng đô la Mỹ trong khi RSF dự kiến nhiều áp lực cạnh tranh về giá hơn. PFIs sẽ cần phải đánh giá nhu cầu của các tiêu dự án đăng ký và những hạn chế của mình trước khi tìm kiếm sự hỗ trợ từ hai Quỹ chia sẻ rủi ro hoặc từ Khoản vay IBRD.

Quỹ sẽ do PIE quản lý và sẽ phát hành các bảo lãnh tín dụng một phần (hoặc "bảo lãnh phụ") cho các PFIs đủ điều kiện để hỗ trợ các khoản vay cho các tiêu dự án EE hợp lệ do các IEs thực hiện. Phạm vi bảo lãnh sẽ chỉ dành cho các khoản vay từ các nguồn tự có của PFIs, các doanh nghiệp công nghiệp và các công ty dịch vụ năng lượng đóng góp vốn chủ sở hữu chiếm 20% trong mỗi dự án đầu tư, và chỉ một phần để cho phép chia sẻ rủi ro với các PFIs và khuyến khích các đơn vị này thẩm định một cách cẩn thận các khoản vay gốc. PFIs sẽ được GCF-RSF

chi trả dự kiến trung bình khoảng 50% giá trị thất thoát trong toàn bộ tuổi thọ dự án. Đơn vị thực hiện Chương trình (PIE) sẽ linh hoạt trong việc quy định tỷ lệ bảo lãnh dựa vào nhu cầu thị trường. PFI sẽ phải trả phí bảo lãnh RSF, 0,25% phí trả trước và 0,70% phí bảo lãnh hàng năm trên số tiền được bảo lãnh. Dự kiến rằng phạm vi bảo lãnh trong toàn bộ tuổi thọ của dự án bình quân là 50 phần trăm nhưng PIE sẽ linh hoạt trong việc ấn định tỷ lệ bảo lãnh dựa vào nhu cầu thị trường với dự kiến là tỷ lệ trong những năm đầu của chương trình sẽ lớn hơn 50 phần trăm. Bên bảo lãnh sẽ chỉ bù đắp rủi ro tín dụng phát sinh từ việc không trả được nợ gốc. PFIs sẽ phải trả một khoản phí bảo lãnh cho quỹ để trang trải các chi phí liên quan đến thực hiện chương trình và phí bảo lãnh của GCF, và cho các yêu cầu đòi bảo lãnh dự kiến từ các rủi ro tín dụng có thể xảy ra đã được bảo lãnh. Mục tiêu của việc thu phí bảo lãnh này là để Quỹ có thể thu hồi chi phí trong khi vẫn duy trì được giá bảo lãnh hấp dẫn đối với các PFIs. Định giá ban đầu cũng giả định rằng 3 triệu vốn tài trợ không hoàn lại ban đầu dành cho chi phí vận hành Quỹ và chi trả bảo lãnh cho những năm đầu.

Quỹ sẽ thanh toán cho các PFIs khi có yêu cầu đòi bảo lãnh nếu xảy ra các rủi ro tín dụng gốc. Những yêu cầu đòi bảo lãnh đầu tiên sẽ được chi trả từ các nguồn của Quỹ, được hình thành từ khoản tài trợ không hoàn lại và thu phí bảo lãnh, trong phạm vi Quỹ có khả năng chi trả. Nếu vốn trong Quỹ không đủ để đáp ứng tất cả các yêu cầu, điều này sẽ chỉ xảy ra nếu thất thoát thực tế vượt quá thất thoát trong dự kiến, sẽ yêu cầu bảo lãnh GCF lên tới 75 triệu USD để đáp ứng các yêu cầu này. Tuy nhiên, dự kiến khả năng phải yêu cầu đến bảo lãnh GCF là tương đối nhỏ do các yêu cầu thẩm định đối với các khoản vay được bảo lãnh và quản lý rủi ro danh mục đầu tư được thiết lập chặt chẽ và do đó dự kiến rằng trong trường hợp cơ sở, không cần yêu cầu bảo lãnh từ GCF.

Trong thực tế, quản lý rủi ro chủ động cho Quỹ nghĩa là dự kiến PIE sẽ tiến hành các biện pháp khắc phục nếu yêu cầu chi trả bảo lãnh vượt quá các khoản chi trả trong dự kiến, ví dụ như thông qua phát hành các khoản bảo lãnh mới. Yêu cầu thẩm định các khoản vay được bảo lãnh sẽ có trong Sổ tay hướng dẫn hoạt động nhưng tuân theo thủ tục thẩm định tương tự như đối với khoản vay IBRD và đảm bảo rằng các PFIs áp dụng soát xét chi tiết và cẩn thận cho các khoản vay được bảo lãnh GCF tối thiểu là như khi họ tiến hành đối với các khoản vay từ nguồn vốn của mình. Bảo lãnh một phần là để khuyến khích các PFIs thực hiện điều này.

Hợp phần 2 - Hỗ trợ kỹ thuật (TA), viện trợ không hoàn lại từ nguồn vốn của GCF trị giá 8,3 triệu USD: Hợp phần hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực sẽ hỗ trợ: (i) MoIT và các cơ quan nhà nước liên quan chịu trách nhiệm thực hiện mục tiêu và chính sách EE, để thực hiện các thỏa thuận tự nguyện với các doanh nghiệp công nghiệp, tăng cường hơn nữa các biện pháp khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp thực hiện đầu tư vào tiết kiệm năng lượng và xây dựng các tiêu chuẩn về hiệu suất năng lượng bắt buộc và xây dựng đường chuẩn cho các ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng; (b) các PFIs nhằm nâng cao hiểu biết, kinh nghiệm và chuyên môn trong việc nhận diện, thẩm định và thực hiện cho vay các dự án tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp và phát triển kinh doanh để tạo ra được dòng hợp đồng đầu tư, và (c) các IEs và các đơn vị cung cấp dịch vụ năng lượng (như các ESCO) để phát triển các dự án khả thi có thể vay vốn ngân hàng. Hợp phần này sẽ được thực hiện phối hợp chặt chẽ với Dự án sản xuất sạch hơn và tiết kiệm năng lượng (CPEE) do WB tài trợ và Bộ Công Thương đang triển khai về xây dựng các chính sách EE và thỏa thuận tự nguyện trong công nghiệp.

Hiện nay, IFC đang làm việc với Ngân hàng Thế giới để xác định một cơ chế năng lực hỗ trợ phù hợp một khi các PFIs được nhận diện. Trong khuôn khổ dự án CPEE hiện nay, Ngân hàng Thế giới đang cung cấp hỗ trợ kỹ thuật đối với các doanh nghiệp tiêu thụ năng lượng trọng điểm để xây dựng các thỏa thuận tự nguyện để có thể hình thành phần chính cho các vấn đề đang thảo luận. Ngoài các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật đang tiến hành, Hợp phần này sẽ hỗ trợ:

- (a) *Hỗ trợ và nâng cao năng lực cho MoIT* sẽ giúp: (a) đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2010-2015 và chuẩn bị cho việc thực hiện giai đoạn tiếp theo 2016-2020; (b) tăng cường các chính sách và khung pháp lý cho hoạt động tiết kiệm năng lượng trong các doanh nghiệp công nghiệp; (c) xây dựng các tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng liên quan và thiết lập đường chuẩn trong các ngành công nghiệp; (d) phát triển các ESCO, nhân rộng và khuyến khích cơ chế thỏa thuận tự nguyện, thực hiện các chiến dịch truyền thông để nâng cao nhận thức về EE cho các IEs. Ngoài ra, áp dụng Hệ thống quản lý năng lượng (ISO 50001) được xem là quy tắc thực hành hiệu quả nhất cho các hệ sinh thái công nghiệp để hình thành các dự án tiết kiệm năng lượng và giảm GHG trên cơ sở bền vững. TA sẽ hỗ trợ MoIT thúc đẩy và nâng cao năng lực của các doanh nghiệp trong việc áp dụng ISO 50001 hoặc Hệ thống quản lý năng lượng.
- (b) *Hỗ trợ và nâng cao năng lực cho các PFIs* bao gồm: (a) khởi tạo kinh doanh bao gồm thành lập, tổ chức, bố trí nhân lực và kế hoạch kinh doanh ban đầu cho đơn vị (nhóm) kinh doanh cho vay tiết kiệm năng lượng; (b) nâng cao năng lực và đào tạo, bao gồm hỗ trợ phát triển các quy trình và công cụ tài chính cần thiết, hình thành cơ sở kiến thức đủ để đánh giá và cung cấp các khoản cho vay tiết kiệm năng lượng; (c) nghiên cứu thị trường và phát triển danh mục các tiểu dự án tiết kiệm năng lượng; (d) hỗ trợ soát xét chi tiết các khoản vay lại hợp lệ cho tiết kiệm năng lượng, bao gồm các đánh giá về kỹ thuật, tài chính, môi trường và xã hội; (e) phát triển các công cụ tài chính liên quan tới tiết kiệm năng lượng và công cụ quản lý rủi ro.
- (c) *Hỗ trợ và nâng cao năng lực cho các IEs* sẽ bao gồm hỗ trợ: (a) nhận diện các dự án tiết kiệm năng lượng và chuẩn bị các kiểm toán năng lượng liên quan, thiết kế kỹ thuật và chuẩn bị dự án; (b) nâng cao nhận thức thông qua các kênh truyền thông được tổ chức kết hợp với các hiệp hội ngành nghề liên quan. Nâng cao năng lực về các chính sách an toàn (môi trường, xã hội) cho các doanh nghiệp công nghiệp, các ESCO, các ngân hàng tham gia cũng như cung cấp các tập huấn tại chỗ. Đồng thời xem xét các hỗ trợ kỹ thuật để đảm bảo cho các đơn vị có đủ năng lực để rà soát và thực hiện các vấn đề về an toàn.

Chương trình và kế hoạch nâng cao năng lực và hỗ trợ kỹ thuật chi tiết cho MoIT, PFIs và IEs và kế hoạch đấu thầu cho các hoạt động này sẽ được xây dựng cho 18 tháng đầu tiên.

Đối tượng hưởng lợi của dự án

Những người hưởng lợi chính sẽ là các doanh nghiệp công nghiệp (IEs) và các tổ chức tài chính tham gia (PFIs). Các IEs sẽ được hưởng lợi từ áp dụng công nghệ cải tiến và tối ưu hóa sản xuất, do đó làm giảm tiêu thụ năng lượng và chi phí sản xuất và tăng sức cạnh tranh chung trên thị trường trong nước và quốc tế. Các PFIs được hưởng lợi từ việc hình thành các sản phẩm cho vay mới đối với EE trong công nghiệp, từ đó xây dựng năng lực kỹ thuật để thẩm định và giám sát đầu tư EE, cho phép họ mở rộng quy mô cho vay đối với các EE các ngành công nghiệp. Các cơ quan chính phủ tham gia sẽ được hỗ trợ trong việc xây dựng khung pháp lý, tiêu chuẩn và hướng dẫn EE có liên quan.

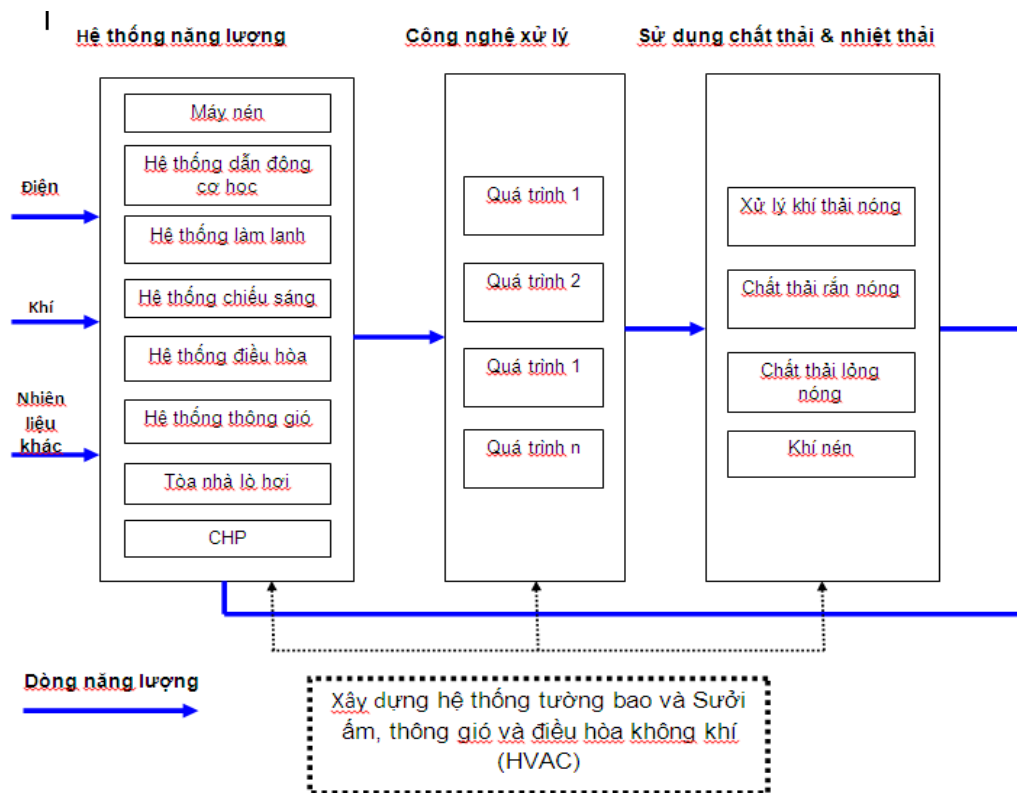
Các kiểu tiểu dự án dự kiến

Các công nghệ EE đối với mỗi phân ngành công nghiệp là khác nhau nhưng nhìn chung có các biện pháp EE điển hình như sau:

- **Hệ thống tiêu thụ năng lượng.** Nâng cấp nồi hơi và chuyển đổi nhiên liệu, sử dụng các thiết bị đồng phát và hệ thống điều khiển bằng điện, bao gồm hệ thống nén khí, máy làm lạnh bằng điện, máy móc và chiếu sáng bằng điện.

- **Quá trình chế biến xử lý.** Nâng cấp và thay thế thiết bị, máy móc và trang thiết bị.
- **Xử lý chất thải và thu hồi nhiệt thải.** Sử dụng nhiệt thải (khí, chất lỏng và chất rắn nóng/ấm) và đốt các chất thải có thể cháy (khí, chất lỏng, chất rắn).
- **Sử dụng năng lượng tái tạo** để giảm nhiên liệu và/hoặc tiêu thụ điện cũng có thể được xem xét.

Biểu đồ sau đây mô tả các dòng năng lượng và các hạng mục đầu tư điển hình của các doanh nghiệp công nghiệp



Hình 1: Các giải pháp sử dụng năng lượng hiệu quả tiềm năng

Các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng như xi măng, luyện thép, giấy và bột giấy, chế biến thực phẩm, gốm và gạch xây dựng.

Ngành công nghiệp xi măng, bao gồm nhưng không giới hạn những dự án sau:

- Sử dụng máy nghiền kiểu trục lăn để nghiền vật liệu thô,
- Cải tạo các quạt lò hơi và tối ưu hóa hoạt động của quạt,
- Lắp đặt các thiết bị điều tốc,
- Sử dụng nhiên liệu từ chất thải và thu hồi nhiệt thải,
- Tận dụng nhiệt khói thải để phát điện.

Ngành công nghiệp luyện thép, bao gồm nhưng không giới hạn những dự án sau:

- Sử dụng các vòi đốt/vòi phun nhiên liệu kèm oxy,
- Xây dựng các quy trình sản xuất khép kín,
- Thay thế các máy nén khí có hiệu suất thấp,
- Lắp đặt các động cơ biến tần để có thể hoạt động ở trạng thái thấp hoặc phụ tải giao động,

- Tận dụng nhiệt từ khí thải (nhiệt thải từ các lò hồ quang điện, lò, lò nung clinker v.v.),
- Gia nhiệt cho các khí đốt cho buồng đốt.

Ngành công nghiệp giấy và bột giấy, bao gồm nhưng không giới hạn những dự án sau:

- Đầu tư lò hơi mới hiệu quả hơn cho đồng phát (nhiệt và điện),
- Thay thế các động cơ,
- Chuyển đổi công nghệ sang sử dụng nhiên liệu sinh khối,
- Tận dụng chất thải hoá học để đốt.

The subprojects under the Bank's partial guarantee have not been identified by appraisal. In addition, the nature and location of investments under the original VEEIE and the Scaling Up Project are the similar. Như vậy, trong quá trình chuẩn bị, Khung Quy hoạch Dân tộc thiểu số (EMPF) cho dự án VEEIE ban đầu đã được MOIT cập nhật để đảm bảo rằng nó là thích hợp cho Dự án thúc đẩy. EMPF cung cấp hướng dẫn và đưa ra các yêu cầu để đảm bảo tuân thủ an toàn của Dự án trong thời gian thực hiện. EMPF phù hợp với các chính sách bảo vệ của Ngân hàng và các luật pháp quốc gia.

EMPF sẽ được MOIT thông qua và tích hợp trong Sổ tay hướng dẫn vận hành dự án để đảm bảo rằng các vấn đề môi trường và xã hội sẽ được xem xét cùng với các yêu cầu khác trong quá trình thực hiện dự án. Các tài liệu bảo vệ xã hội bao gồm Khung Chính sách Tái định cư (RPF) và Khung Chính sách Dân tộc thiểu số (EMPF) cho dự án đã được chuẩn bị riêng và trình lên Ngân hàng. Việc sàng lọc và chuẩn bị bảo vệ các EMP, RP và EMDP cho các tiểu dự án trong tương lai sẽ được thực hiện trong quá trình thực hiện.

1.2. Khung Chính sách Dân tộc thiểu số (EMPF)

EMPF đưa ra các chính sách, nguyên tắc và quy trình áp dụng cho các tiểu dự án hiệu quả năng lượng tiềm năng, và đưa ra khung phổ biến thông tin yêu cầu và quy trình tham vấn, xây dựng Kế hoạch Dân tộc Thiểu số (EMDPs) cho các tiểu dự án nhằm đảm bảo các lợi ích về văn hóa, kinh tế, xã hội cho người bị ảnh hưởng. EMPF này áp dụng cho tất cả các hoạt động của EEP (Dự án Tiết kiệm Năng lượng) và các hoạt động khi các bước tiếp theo thiết kế hoặc triển khai dự án có sự xuất hiện của các dân tộc thiểu số hoặc có liên quan đến các nguồn tài nguyên đất/tự nhiên của họ trong khu vực dự án.

Khung Chính sách Dân tộc thiểu số (EMPF) được xây dựng trên cơ sở OP 4.10 của Ngân hàng Thế giới - Dân tộc bản địa (tháng 07/2005 sửa đổi tháng 4/2013), các luật và quy định liên quan của Việt Nam.

EMPF đưa ra khuôn khổ thực hiện cho các tiểu dự án, điều tra thực địa, và các tài liệu cần được chuẩn bị trên cơ sở các loại hình, quy mô tác động và khả năng áp dụng của EMPF. Chương trình đào tạo và xây dựng năng lực, nhằm đảm bảo việc tuân thủ EMPF, sẽ được thực hiện như một phần của việc huy động và tăng cường thể chế dự án cho tất cả những ai liên quan, cụ thể gồm các cơ quan quản lý cấp quyền tỉnh, ngân hàng tham gia, chủ đầu tư tiểu dự án, và các đơn vị hành chính, chịu trách nhiệm xem xét các đề xuất tiểu dự án so với các tiêu chuẩn. Tiểu dự án VSUEE sẽ cung cấp bảo lãnh cho tiểu dự án chỉ khi kết quả tham vấn của dự án được tham vấn Tự do, Trước và Được thông báo rộng rãi trong cộng đồng sẽ hỗ trợ cho tiểu dự án. Một báo cáo là cần thiết, như là một phần của RP, mô tả quá trình tham vấn kèm theo tài liệu đầy đủ (biên bản cuộc họp được tổ chức, vv) xác nhận sự tham gia, ủng hộ của cộng đồng.

Mục tiêu của EMPF

Ở Việt Nam, các nhóm dân tộc thiểu số thường có các đặc điểm sau đây:

- Sống gần gũi, thân thiết và gắn bó lâu dài trong khu vực lãnh thổ, đất hoặc diện

tích của tổ tiên gắn liền với các tài nguyên thiên nhiên;

- Tự xác định và công nhận các thành viên láng giềng bởi nền văn hóa riêng biệt của họ;
- Có ngôn ngữ khác với ngôn ngữ quốc gia;
- Có hệ thống xã hội truyền thống và thể chế riêng;
- Sản xuất theo hướng tự cung tự cấp.

Từ quan điểm của Ngân hàng, OP 4.10 – Dân tộc bản địa như là “một nhóm riêng biệt, dễ bị tổn thương, xã hội và văn hóa có những đặc điểm sau đây với các mức độ khác nhau:

- Tự nhận là những thành viên của một nhóm văn hóa riêng biệt bản địa và được những người khác công nhận đặc điểm riêng biệt của mình;
- Gắn bó với môi trường sống riêng biệt về mặt địa lý hoặc lãnh thổ của tổ tiên trong khu vực dự án và với các tài nguyên thiên nhiên trong môi trường sống và khu vực lãnh thổ của họ;
- Các thể chế văn hóa, kinh tế, xã hội hoặc chính trị mang tính phong tục được tách biệt so với xã hội và văn hóa của dân tộc chính; và
- Có ngôn ngữ bản địa, khác biệt so với ngôn ngữ chính thức của quốc gia hoặc khu vực” (OP 4.10, đoạn 4).

OP 4.10 – Người bản địa của Ngân hàng chỉ ra rằng chiến lược nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến người dân bản địa phải được căn cứ vào việc Tham vấn Tự do, Trước và Được thông báo của bản thân những người bản địa. Do đó, việc xác định những ưu đãi địa phương thông qua trao đổi trực tiếp, kết hợp các kiến thức bản địa với tiếp cận dự án, và sử dụng sớm một cách thích hợp các chuyên gia có kinh nghiệm là những hoạt động cốt lõi cho bất kỳ dự án nào mà ảnh hưởng đến người dân bản địa và quyền lợi của họ đối với nguồn lực thiên nhiên và kinh tế.

Mục tiêu chính của khung chính sách dân tộc thiểu số là đảm bảo rằng quá trình phát triển khuyến khích việc tôn trọng đầy đủ phẩm giá, nhân quyền, tính độc đáo về văn hóa của họ và rằng các dân tộc thiểu số không phải chịu những ảnh hưởng tiêu cực trong suốt quá trình phát triển và họ sẽ nhận được những lợi ích kinh tế và xã hội tương thích với văn hóa. EMPF cung cấp một khuôn khổ để không chỉ giảm nhẹ mà còn đảm bảo những lợi ích giữa các dân tộc thiểu số của những tác động đó và căn cứ trên việc khảo sát tự do, trước và có thông báo với những người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. EMPF đảm bảo: (a) làm thế nào để tránh các tác động tiêu cực tiềm ẩn đối với cộng đồng dân tộc thiểu số; hoặc (b) khi nào thì các tác động tiêu cực tiềm ẩn đối với dân tộc thiểu số là không thể tránh khỏi, được giảm thiểu, giảm nhẹ hoặc bồi thường; và (c) đảm bảo rằng EMs nhận được những lợi ích xã hội và kinh tế một cách phù hợp với văn hóa và toàn diện ở cả hai giới và giữa các thế hệ, và nhận được sự hỗ trợ cộng đồng đối với các tiểu dự án được đề xuất.

1.3 Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc với hơn 50 nhóm dân tộc riêng biệt (54 dân tộc được chính phủ Việt Nam công nhận), mỗi dân tộc đều có ngôn ngữ, lối sống và di sản văn hóa riêng. Các nhóm dân tộc lớn nhất là: Kinh (người Việt) 86,2%, Tày 1,9%, Thai, 7%, Mường 1,5%, Khmer Krom (Khor Me Krom) 1,4%, Hoa 1,1%, Nùng 1,1%, H'mông 1%, và các dân tộc còn lại chiếm 4,1% (theo số liệu điều tra dân số năm 1999). Người Việt (Kinh) sống chủ yếu ở khu vực đồng bằng sông Hồng, đồng bằng ven biển miền Trung, đồng bằng sông Cửu Long và các thành phố lớn. 53 nhóm dân tộc thiểu số khác, tổng số hơn 8 triệu người, được phân bố rải rác trên các khu vực miền núi (bao gồm 2/3 lãnh thổ đất nước) trải dài từ Bắc vào Nam. Trong số các dân tộc thiểu số, đông dân nhất là Tày, Thái,

Mường, Hoa, Khmer, Nùng... với dân số khoảng 1 triệu người mỗi dân tộc, trong khi đó ít dân nhất là Brau, Roman, Odu với vài trăm người mỗi dân tộc. Người Việt đã thành công trong việc thiết lập một chế độ quân chủ tập trung vào thế kỷ 10. Người Chăm từng lấy làm kiêu hãnh về một nền văn hóa phồn thịnh sớm trong lịch sử. Người Tày, Nùng và Khmer đã đạt đến mức phát triển cao nhất với sự hiện diện của các tầng lớp xã hội khác nhau. Người Mường, H'mông, Dao, Thái ... tập hợp dưới sự cai trị của những người đứng đầu bộ tộc địa phương. Nhiều nhóm dân tộc chia dân số của họ thành các cấp bậc xã hội, đặc biệt là những dân tộc sống ở khu vực miền núi.

Một số dân tộc thiểu số đã nắm vững một số kỹ thuật canh tác. Họ trồng lúa ở các cánh đồng lúa ngập nước và thực hiện việc tưới tiêu. Những dân tộc khác thì săn bắn, đánh bắt cá, hái lượm và sống một cuộc sống bán du mục. Tuy nhiên, một sự đoàn kết cơ bản giữa các dân tộc đã được thiết lập ngay trên sự khác biệt này như là kết quả của sự hợp tác gần bó lâu dài hàng thế kỷ trên mảnh đất Việt Nam. Ngay trong thế kỷ đầu tiên của lịch sử, một sự bổ sung lẫn nhau trong mối quan hệ kinh tế giữa những người dân vùng đồng bằng và vùng núi đã được hình thành. Sự đoàn kết này ngày càng được tăng cường trong suốt các cuộc đấu tranh kháng chiến bảo vệ đất nước. Thông qua các cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ và xây dựng đất nước và hỗ trợ lẫn nhau để cùng tồn tại và phát triển, một cộng đồng chung giữa những người Việt và người dân tộc thiểu số khác đã được thiết lập, không ngừng củng cố và phát triển.

Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam đang được hưởng tình trạng pháp lý và chính trị tốt hơn các nhóm dân tộc khác ở nhiều quốc gia khác trong khu vực hoặc trên thế giới. Nhà nước Việt Nam có chính sách không phân biệt đối xử với các dân tộc bản địa như được thấy trong Hội đồng Dân tộc thiểu số của Quốc hội. Hiến pháp mà người dân tộc thiểu số có thể sử dụng ngôn ngữ của riêng họ để bảo tồn sự khác biệt văn hóa. Trong Chính phủ Việt Nam, Ủy ban Dân tộc (CEMA – một cơ quan cấp Bộ) chịu trách nhiệm về tất cả các hoạt động có liên quan đến dân tộc thiểu số. Nói chung, người dân tộc thiểu số đang nhận được nhiều lợi ích nhờ những chính sách của chính phủ. Họ nhận được sự đối xử ưu đãi trong quá trình nhập học ở đại học, cao đẳng và các hỗ trợ khác (ví dụ: dầu ăn, muối iốt đã được cung cấp cho họ với mức giá trợ cấp cao).

Chính phủ, các nhà tài trợ nước ngoài và nhiều tổ chức phi chính phủ (NGOs) tổ chức các chương trình phát triển và hỗ trợ đặc biệt với mục tiêu hướng đến là các dân tộc thiểu số. Các khoản tiền rất lớn được đầu tư với mục đích giúp đỡ khu vực vùng cao nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng nhằm “theo kịp” vùng đồng bằng. Và tuy vậy, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam vẫn còn gặp nhiều bất lợi. Trong khi đó nhiều – có lẽ hầu hết – hộ gia đình dân tộc thiểu số có tiêu chuẩn vật chất ngày nay tốt hơn so với cách đây 10 hoặc 15 năm trước, họ vẫn còn không theo kịp với phần còn lại của đất nước về mặt kinh tế. Thật vậy, họ đang dần tụt xa lại phía sau. Những người nghèo khác thì còn khó khăn hơn nữa để có thể bắt kịp được; họ đang phải đối mặt với nhiều thách thức khó khăn của sự cô lập, tài sản hạn chế, trình độ học vấn thấp, tình trạng sức khỏe yếu – và việc xóa đói giảm nghèo hiện nay đang trở nên kém đáp ứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Vấn đề đói nghèo của các dân tộc thiểu số đang là một thách thức lớn và dai dẳng. Mặc dù 53 nhóm dân tộc thiểu số của Việt Nam, chiếm chưa đầy 15% dân số, nhưng họ chiếm tới 47% số người nghèo trong năm 2010, so với 29% vào năm 1998. Sử dụng một chuẩn nghèo mới phản ánh tốt hơn điều kiện sống của người nghèo, 66,3% số dân tộc còn nghèo trong năm 2010 so với chỉ 12,9% đại đa số dân tộc Kinh (WB, 2012). Có nhiều nguyên nhân của tình trạng đói nghèo tràn lan của các nhóm dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Các dân tộc thiểu số đang đấu tranh và đối đầu với những thách thức khi phải đối phó với những căng thẳng nghiêm trọng đặt lên vai họ từ sự tăng trưởng dân số, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và xáo trộn văn hóa kết quả từ những thập kỷ của sự thay đổi áp đặt từ bên ngoài.

PHẦN 2. NHỮNG TÁC ĐỘNG TIỀM TÀNG CỦA DỰ ÁN

2.1 Lợi ích tiềm năng đối với người dân địa phương

Việc thực hiện các Dự án Thúc đẩy Tiết kiệm năng lượng (VSEEP) sẽ là một yếu tố quan trọng cho sự phát triển kinh tế ở vùng sâu vùng xa và nông thôn, tạo ra nhiều cơ hội cho các hộ gia đình nông thôn có thể tiếp cận dịch vụ cung cấp điện chất lượng cao, hệ thống giao thông thuận tiện, và chuyển đổi việc làm tốt hơn. Chương trình xóa đói giảm nghèo của Chính phủ sẽ trở nên hiệu quả hơn, giảm khoảng cách giữa các vùng. Chủ dự án (PO) sẽ nâng cao hiệu quả sản xuất của mình bằng cách sử dụng vốn vay ưu đãi. Họ có khả năng mở rộng sản xuất tại các địa phương, tăng cường chất lượng dịch vụ của khách hàng, giảm thất thoát điện, đồng thời tăng số lượng người dùng.

Người dân địa phương có cơ hội tiếp cận với văn hoá và kỹ thuật mới, nâng cao chất lượng cuộc sống của mình và tiếp cận các dịch vụ công cộng tốt hơn. Tác động tích cực tiềm năng của VSEEP đối với cộng đồng dân tộc thiểu số được mô tả trong Bảng 1 như sau.

Bảng 1 Tác động tích cực

STT	Tác động tích cực	Mô tả
1	Nâng cao đời sống tinh thần và vật chất của người dân địa phương, góp phần phát triển và xóa đói giảm nghèo	Hỗ trợ tích cực cho sự phát triển/ hỗ trợ kinh tế xã hội địa phương, các hoạt động thủ công và các dịch vụ, cải thiện đời sống tinh thần và vật chất của người dân địa phương.
2	Tạo thêm nhiều việc làm cho người dân địa phương	Các hoạt động tiền thi công, xây dựng, vận hành đều yêu cầu lao động lành nghề/lao động phổ thông ở địa phương.
3	Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất.	Con đường dẫn đến nhà máy của PO qua các làng sẽ được mở rộng và nâng cấp. Việc vận chuyển các sản phẩm nông nghiệp và đi lại của người dân địa phương sẽ trở nên dễ dàng hơn và thuận tiện hơn.

2.2 Tác động tiêu cực đến cộng đồng địa phương

Tác động tiêu cực tiềm tàng của VSEEPs đối với cộng đồng dân tộc thiểu số được mô tả trong bảng sau

Bảng 2 Các tác động tiêu cực

STT	Tác động tiêu cực	Mô tả
1	Việc thu hồi đất sản xuất làm ảnh hưởng đến sinh kế của người dân địa phương	Triển khai thực hiện các thành phần tiểu dự án, một phần đất sản xuất của hộ gia đình trong khu vực tiểu dự án sẽ bị mua lại, ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất của người dân địa phương.

Dự án Thúc đẩy tiết kiệm Năng lượng cho các ngành Công nghiệp ở Việt Nam
 Khung Chính sách Dân tộc thiểu số (EMPF)

STT	Tác động tiêu cực	Mô tả
		Thu nhập từ cây trồng, nông sản của người dân địa phương bị ảnh hưởng do một số cây lâu năm, cây ăn quả bị ảnh hưởng bởi các hoạt động xây dựng của các tiểu dự án.
2	Tác động tạm thời đối với hoạt động sản xuất của người dân địa phương	Làm hỏng đất/ đá, trong quá trình xây dựng, lắp đặt và vận hành, mảnh vụn, vật liệu xây dựng bị đổ vào khu vực canh tác sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của các hộ gia đình có liên quan.
3	Ô nhiễm môi trường	Các hoạt động của tiểu dự án như vận chuyển vật liệu xây dựng, hoạt động thi công, vv sẽ gây ô nhiễm trong khu vực tiểu dự án và các khu vực lân cận do tiếng ồn, bụi, khói, ô nhiễm nước và đất, chất thải nguy hại, vv
4	Tác động đến văn hóa bản địa và an ninh xã hội	Một số lượng lớn công nhân sẽ đến và làm việc tại địa phương trong một khoảng thời gian. Điều này cũng sẽ tạo nên mối đe dọa đối với các vấn đề liên quan đến an ninh xã hội và xung đột văn hóa (ví dụ như mại dâm, ma túy, trộm cắp, vv)
5	Rủi ro tai nạn lao động	Do số lượng lớn lao động và một bộ phận trong số đó được tuyển dụng nhưng chưa qua đào tạo và có kinh nghiệm về an toàn lao động nên nguy cơ tai nạn lao động cao.
6	Nguy cơ HIV/AIDS, buôn bán phụ nữ và các tệ nạn xã hội khác	Trong việc xây dựng các tiểu dự án, việc giao tiếp giữa công nhân và người dân địa phương là không thể tránh khỏi, do đó, nguy cơ lây nhiễm HIV, buôn bán phụ nữ, và các tệ nạn xã hội khác là tất yếu.

PHẦN 3. KHUNG PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DÂN TỘC THIỂU SỐ

3.1 Hiện trạng pháp lý về dân tộc thiểu số

Mọi dân tộc trên đất nước Việt Nam đều được hưởng đầy đủ quyền công dân và được bảo vệ quyền bình đẳng theo luật pháp và hiến pháp của nhà nước. Theo Điều 60 của Hiến pháp (2013) quy định Nhà nước sẽ chịu trách nhiệm và đảm bảo việc thúc đẩy các giá trị văn hóa của tất cả các dân tộc Việt Nam. Hiến pháp đảm bảo mọi dân tộc đều có quyền bình đẳng. Các dân tộc khác ngoài dân tộc Kinh không được coi là dân tộc thiểu số trong Hiến pháp, nhưng "dân tộc thiểu số" được ghi nhận trong các chính sách phát triển đối với khu vực miền núi. Điều 61 của Hiến pháp quy định dân tộc sống ở khu vực miền núi là "dân tộc thiểu số", và họ sẽ được ưu tiên trong giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Một số dân tộc có dân số ít và có những hạn chế trong phát triển được công nhận là "dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn" trong chính sách phát triển.

3.2 Chính sách và quy phạm pháp luật của Việt Nam về dân tộc thiểu số

Để giải quyết vấn đề đất đai và các vấn đề khác liên quan nhằm mục đích xoá đói giảm nghèo cho người nghèo ở Việt Nam nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng, chính phủ Việt Nam đã thông qua nhiều chính sách, tuy nhiên trong khuôn khổ của EMPF này, một số chính sách quan trọng ảnh hưởng lớn tới mục tiêu này được trình bày như sau:

- Quyết định số 132/QĐ-TTg ngày 08/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao quỹ đất sản xuất và đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên Việt Nam;
- Chương trình 134 hoặc Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/07/2004 của Thủ tướng Chính phủ về các chính sách cung cấp đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho người dân tộc thiểu số nghèo có đời sống khó khăn ;
- Chương trình 135 theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/07/1998 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/04/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn/vùng biên giới, những hộ dân cư nằm trong vùng an toàn khu, các làng đặc biệt khó khăn;
- Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự số 21 của Việt Nam) và Quyết định số 432/2012/QĐ-TTg ngày 12/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến việc cải tiến chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam, giai đoạn 2011-2020.

Tuy nhiên, đến nay chưa có một khung pháp lý rõ ràng nào cho việc tham vấn các dân tộc thiểu số có liên quan đến các dự án phát triển.

Sự tham gia/ Nền dân chủ cấp cơ sở

Để triển khai thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị về việc chuẩn bị và thực hiện quy chế dân chủ cấp cơ sở, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày 07/07/2003 thay thế Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11/05/1998, và ban hành Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/04/2007 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và các cấp. Các Nghị định và Pháp lệnh làm cơ sở để khuyến khích sự tham gia chính quyền xã ở Việt Nam. Hiện nay, tham gia cộng đồng trong việc chuẩn bị kế hoạch phát triển ở các cấp địa phương đã được thể chế hóa ở một số tỉnh, đặc biệt là những tỉnh có số lượng dân tộc thiểu số đáng kể. Sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và xã hội của các dân tộc vùng cao cũng như các nhu cầu đặc biệt của các dân tộc thiệt thòi về kinh tế cũng vì thế mà được công

nhận.

Thực hiện khung pháp lý

Cơ quan Chính phủ chịu trách nhiệm đối với dân tộc vùng cao là Ủy ban Dân tộc (CEMA). Ủy ban Dân tộc là một cơ quan ngang Bộ thuộc Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong công tác quản lý dân tộc thiểu số toàn quốc và các dịch vụ công trong phạm vi quyền hạn của mình. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Ủy ban được quy định tại Nghị định số 60/2008/NĐ-CP ngày 09/05/2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc. Ngoài các cơ quan quốc gia tại Hà Nội, Ủy ban Dân tộc có các phòng ban tại mỗi tỉnh. Năm 1995, Ủy ban Dân tộc đã mở rộng khuôn khổ trợ giúp bên ngoài với sự phát triển của các dân tộc thiểu số. Khuôn khổ này đã dẫn đến một chiến lược đối với sự phát triển của đồng bào dân tộc thiểu số cùng với các mục tiêu của Chính phủ trong việc ổn định, tăng trưởng bền vững và xóa đói giảm nghèo. Các điểm chính trong khuôn khổ này là:

- Đấu tranh chống đói nghèo;
- Khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong sự phát triển riêng của mình;
- Củng cố các tổ chức liên quan đến dân tộc thiểu số;
- Phát triển nguồn tài nguyên thiên nhiên và con người theo hướng bền vững; và
- Đảm bảo sự tôn trọng lẫn nhau và nâng cao trách nhiệm của các bên tham gia.

3.3 Các chính sách của Ngân hàng Thế giới đối với người dân tộc thiểu số

Mục tiêu của chính sách Ngân hàng đối với dân tộc thiểu số, OP 4.10 là đảm bảo quá trình phát triển thúc đẩy hoàn toàn sự tôn trọng phẩm giá, nhân quyền, và tính độc đáo trong văn hóa. Đặc biệt hơn, mục tiêu trọng tâm của chính sách là đảm bảo rằng người dân bản địa không bị ảnh hưởng xấu trong quá trình phát triển, và họ nhận được lợi ích phù hợp với họ về mặt văn hóa. Chiến lược để đáp ứng các mục tiêu của chính sách Ngân hàng trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến dân tộc thiểu số phải được dựa trên sự tự do tham gia của họ, điều này đòi hỏi phải xác định ưu đãi của địa phương thông qua tư vấn trực tiếp.

Người dân bản địa thường nằm trong số các nhóm người nghèo nhất trong dân số. Họ tham gia vào các hoạt động kinh tế từ nông nghiệp chuyển sang lao động tiền lương hoặc hoạt động theo hướng thị trường có quy mô nhỏ lẻ. Định nghĩa về dân tộc bản địa của Ngân hàng Thế giới rất giống với "định nghĩa về dân tộc thiểu số" của Chính phủ Việt Nam.

Mọi dự án được đề xuất cho việc tài trợ của Ngân hàng Thế giới có ảnh hưởng đáng kể đối với dân tộc thiểu số bắt buộc phải thực hiện theo các thủ tục sau đây:

- **Sàng lọc** để xác định xem người dân tộc thiểu số có trong hoặc gắn bó với khu vực dự án hay không;
- Nếu đó là dân tộc thiểu số thì việc **đánh giá xã hội** sẽ được chuẩn bị để xác định tác động tích cực và tiêu cực tiềm ẩn của dự án, đồng thời xem xét nếu sửa đổi của thiết kế dự án có thể giảm thiểu tác động bất lợi và tăng cường lợi ích tích cực;
- **Quá trình tư vấn miễn phí, ưu tiên và có sự am hiểu nhất định** dành cho các cộng đồng dân tộc thiểu số nhằm xác định quan điểm của họ và để xác định liệu có hỗ trợ cộng đồng lớn cho dự án hay không;
- Nếu việc tư vấn miễn phí, ưu tiên và có sự am hiểu nhất định kết luận rằng cộng đồng dân tộc thiểu số ủng hộ rộng rãi dự án thì **Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP)** sẽ được chuẩn bị với sự tham vấn cộng đồng, phác thảo những lợi ích mà họ sẽ nhận được từ dự án này và làm thế nào để những tác động bất lợi được giảm thiểu hoặc giảm nhẹ; và

- **Công khai** kế hoạch.

Để đảm bảo rằng dân tộc thiểu số được đưa vào bằng những cách thức phù hợp với quá trình phát triển, chính sách này đòi hỏi sự chuẩn bị Kế hoạch dân tộc thiểu số (IPP). Mặc dù chính sách hướng tới dân tộc thiểu số nhưng tất cả người dân tộc thiểu số (trừ người Hoa/Trung Quốc) tại Việt Nam được coi là người bản địa; do đó quá trình IPP được gọi là quá trình EMDP tại Việt Nam.

PHẦN 4. THAM VẤN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Hoạt động tham vấn sẽ được tiến hành liên tục trong suốt các giai đoạn khác nhau của thực hiện dự án (ví dụ như lập kế hoạch, thực hiện, giám sát). Trong quá trình này, thông tin và tham vấn công khai sẽ được tiến hành để thu thập thông tin giúp đánh giá các tác động tái định cư của dự án và cung cấp các đề xuất giải pháp kỹ thuật có thể thay thế để giảm và/ hoặc giảm thiểu những tác động tiêu cực tiềm năng về tái định cư đối với dân cư địa phương đồng thời chủ động giải quyết những vấn đề có thể xuất hiện trong quá trình thực hiện. Chính quyền địa phương, các cộng đồng bị ảnh hưởng và các dân tộc thiểu số sẽ được thông báo về các đề xuất dự án, mục tiêu và các hoạt động đề xuất trong giai đoạn đầu chuẩn bị dự án. Các điểm thảo luận chính sẽ tập trung vào nhu cầu phát triển, những ưu tiên của địa phương và nhận thức của họ đối với mục tiêu dự án. Dân tộc thiểu số cũng sẽ được tư vấn về các tác động tiềm năng của dự án và các biện pháp có thể để giảm thiểu tác động tiêu cực tiềm tàng, và nâng cao lợi ích cho người dân địa phương. (Xem Bảng 3 để biết thêm thông tin chi tiết).

Tư vấn có ý nghĩa sẽ được tiến hành thông qua tham vấn cộng đồng để đạt được các mục tiêu sau: (i) Sự tham gia của các bên liên quan và các dân tộc thiểu số trong kế hoạch tái định cư và cho phép họ tham gia vào việc đánh giá tác động cũng như rủi ro; (ii) sự tham gia trong việc đưa ra quyết định có ảnh hưởng đến cuộc sống của họ; (iii) Tính minh bạch trong thông tin về lợi ích và quyền lợi và (iv) hiểu vai trò của các bên liên quan và dân tộc thiểu số trong ứng dụng của OP 4.10. Các phương pháp tham vấn sẽ được thiết kế riêng cho từng nhóm đối tượng, bao gồm (nhưng không giới hạn) đánh giá nhanh có sự tham gia, tham vấn các bên liên quan thông qua việc tham quan công trường và các hộ gia đình, các cuộc họp công cộng, thảo luận nhóm tập trung và các cuộc điều tra hộ gia đình kinh tế xã hội.

Quá trình tham vấn khẳng định rằng các cộng đồng dân tộc thiểu số ảnh hưởng (i) ủng hộ rộng rãi mục tiêu dự án; (ii) nhận thức được lợi ích của dự án, và tin rằng họ phù hợp về mặt văn hóa; (iii) có đủ cơ hội để xác định ưu đãi và hạn chế của mình liên quan đến việc đền bù và tái định cư cũng như các vấn đề về môi trường. Đối với dự án thúc đẩy tiết kiệm năng lượng cho các ngành công nghiệp, quá trình tham vấn hai bước sẽ được thiết kế để đảm bảo việc tuân thủ các chính sách dân tộc thiểu số (OP4.10) của Ngân hàng Thế giới:

- Trong quá trình chuẩn bị dự án, cần tham vấn với các nhóm DTTS thông qua việc tư vấn miễn phí, ưu tiên và có sự am hiểu nhất định để có được ủng hộ rộng rãi của họ. Nhân viên có trách nhiệm của cơ quan thực hiện (IAs) và chính quyền xã xác định khả năng bị tác động của cộng đồng DTTS và tiến hành tham vấn. Phụ nữ trong các cộng đồng DTTS sẽ được khuyến khích tham gia tư vấn. Chủ đề của cuộc thảo luận nhóm bao gồm các thông tin dự án; tác động tiềm năng và các biện pháp giảm thiểu được đề xuất; mối quan tâm và câu hỏi của người DTTS; và sự ủng hộ rộng rãi của họ đối với của dự án.
- Trong quá trình thực hiện dự án, tham vấn với các nhóm DTTS để có được thông tin về các nhu cầu cụ thể, những thách thức và bất kỳ lĩnh vực tiềm năng yêu cầu hỗ trợ bổ sung và/ hoặc các loại hỗ trợ khác. IAs sẽ đảm bảo rằng tất cả các nhóm DTTS nằm trong quá trình tham vấn và các cuộc tham vấn sẽ được tiến hành một cách tương tác, tăng cường thảo luận mở.

Ở cấp độ tiểu dự án, EMDP tương ứng sẽ xác định hành động cụ thể để xác định mỗi DTTS sẽ được thông báo đầy đủ và tham khảo ý kiến của các đơn vị quản lý dự án và các đơn vị có liên quan của UBND huyện và/ hoặc UBND quận, UBND xã như thế nào. Sự tham gia của phụ nữ trong quá trình tham vấn sẽ được ưu tiên. Cơ quan thực hiện (IAs) sẽ chịu trách nhiệm cho việc thiết lập và duy trì các công cụ thích hợp/ công cụ để đảm bảo rằng tất cả các hoạt động liên

Dự án Thúc đẩy tiết kiệm Năng lượng cho các ngành Công nghiệp ở Việt Nam
 Khung Chính sách Dân tộc thiểu số (EMPF)

quan đến tư vấn, tham gia và công bố sẽ được theo dõi một cách đúng đắn và được ghi chép lại.

Theo yêu cầu của OP 4.10, phiên bản tiếng Việt của EMPF này và tất cả EMDP sẽ được công khai tại các BQLDA, công trường và VDIC dự án ở Việt Nam trước và sau khi được Chính phủ phê duyệt. Phiên bản tiếng Anh của bài EMPF và EMDP sẽ được công bố tại VDIC tại Việt Nam và tại Infoshop ở Washington, DC cả trước và sau khi được sự phê chuẩn của cơ quan có liên quan. Tất cả các phương tiện bảo vệ cũng sẽ được thực hiện tại các công trường có liên quan. Trong phạm vi có thể, IAs sẽ làm phương tiện bảo vệ công khai có sẵn thông qua báo chí, tờ rơi, phát thanh địa phương để đảm bảo truy cập rộng rãi thông tin rộng rãi.

Bảng 3 Kế hoạch tham vấn cho EMDP

STT	Công việc	Người chịu trách nhiệm	Tài liệu & Mẫu	Tuần				
				1	2	3	4	5
1	Thông báo cho lãnh đạo xã dân tộc thiểu số và chính quyền địa phương về tiểu dự án	PO, Ban QLDA hoặc cố vấn	Tài liệu dự án (Ban QLDA cung cấp mẫu)	x				
2	Tiến hành sàng lọc để xác định các loại và số lượng các hộ gia đình dân tộc thiểu số sống ở khu vực của vùng ảnh hưởng dự án.	Các cố vấn	Cung cấp Sàng lọc / Mẫu kiểm kê DTTS	x				
3	Yêu cầu lãnh đạo, chính quyền địa phương xã DTTS giúp đỡ hoàn thành sàng lọc / kiểm kê DTTS	PO, Ban QLDA thuộc Bộ Công Thương	Công văn	x				
4	Tiến hành đánh giá tác động xã hội các hộ gia đình dân tộc thiểu số trong khu vực ảnh hưởng / khu vực tiểu dự án. Tiến hành tập trung thảo luận nhóm với ba nhóm riêng biệt của dân tộc thiểu số như một phần của SA: lãnh đạo; nam giới; và nữ giới	Cố vấn (theo hướng dẫn từ PMB)	Mẫu SIA		x			
5	Phân tích và chỉ ra kết quả nghiên cứu của SA	Như trên	Mẫu SIA		x			
6	Gặp lãnh đạo và các thành viên DTTS và thảo luận về kết quả nghiên cứu của SA	Cố vấn			x			
7	Chuẩn bị kế hoạch hành động với chính quyền địa phương, đại diện người dân tộc thiểu số và lãnh đạo của họ	Cố vấn	Mẫu kế hoạch		x			
8	Gặp gỡ với kỹ sư thiết kế để thảo luận về các thông tin phản hồi từ xã và sử dụng thông tin để thiết kế và xây dựng biện pháp giảm thiểu	Cố vấn				x		
9	Gửi tất cả tồn kho, SA, Kế hoạch hành động cho PMB	Cố vấn				x		
10	Tóm tắt thông tin và gửi cho IDA/WB. Quan trọng - các báo cáo cần được nộp cùng với Chương trình tiểu dự án được đề xuất	PO, Ban QLDA						x

Dự án Thúc đẩy tiết kiệm Năng lượng cho các ngành Công nghiệp ở Việt Nam
 Khung Chính sách Dân tộc thiểu số (EMPF)

STT	Công việc	Người chịu trách nhiệm	Tài liệu & Mẫu	Tuần				
				1	2	3	4	5
11	Giám sát việc thực hiện Kế hoạch hành động dân tộc thiểu số	PO, Ban QLDA, nhà chức trách địa phương, đại diện DTTS, Giám sát độc lập cho việc thực hiện RP.	Báo cáo giám sát					

Trong quá trình chuẩn bị EMPF, một hội thảo tham vấn về EMPF đã được thực hiện vào ngày 29/05/2018. Một tuần trước khi hội thảo diễn ra, giấy mời và bản dự thảo EMPF đã được gửi đến các bên liên quan bao gồm đại diện của Bộ Công thương, tổ chức phi chính phủ (Pan Nature), Ngân hàng nhà nước Việt Nam, MONRE, PVN, EVN, Tập đoàn thép Việt Nam và các PFI tham gia tiềm năng.

Tham vấn cộng đồng diễn ra tại phòng họp của Bộ Công Thương tại số 54 phố Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam. Các thành phần tham gia chủ chốt bao gồm cán bộ của BQLDA, đại diện từ Bộ Công Thương, các chuyên gia tư vấn địa phương, các tổ chức phi chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, MONRE, PVN và các PFI tham gia tiềm năng. Hội thảo tham vấn nhằm giới thiệu khung chính sách an toàn của ESMF, RPF, EMPF và xác định các tác động xã hội và môi trường tiềm năng của dự án, và trên cơ sở đó, thông báo chiến lược thiết kế/can thiệp cũng như phát triển các công cụ an toàn phù hợp.

Dự thảo EMPF được gửi đến các Bộ liên quan trong khu vực dự án để có thêm ý kiến trước khi hoàn thành. Tuy nhiên, hầu hết những người tham gia đã thể hiện sự đồng ý với EMPF, có một số ý kiến và quan tâm đã được trình bày trong hội thảo và được phản ánh trong EMPF.

Kết quả của buổi hội thảo tham vấn tập trung vào một số điểm sau:

<i>Các ý kiến</i>	<i>Phản hồi của PMU và Tư vấn</i>
<ul style="list-style-type: none"> • Khung nên được xây dựng để các ngân hàng thương mại có thể dễ dàng tiếp cận để thực hiện bởi vì nhân viên của PFI chỉ có kỹ năng tài chính và ngân hàng, họ không thể hiểu và nắm bắt đầy đủ các thủ tục và quy định được nêu trong khuôn khổ. • Nội dung của khung này cũng cần được nêu chi tiết trong Hướng dẫn vận hành (OM) cho các điều kiện kỹ thuật môi trường với một hướng dẫn chi tiết được cung cấp cho các nhân viên thẩm định dự án của các ngân hàng thương mại. • Các quy định hiện hành của Việt Nam rất nhiều và các quy định quốc tế ngày càng 	<ul style="list-style-type: none"> • Tư vấn sẽ xem xét các ý kiến để xác định các tiêu chí trong khung chính sách. • Khung chính sách và hướng dẫn sẽ được điều chỉnh để dễ dàng tiếp cận hành vi trên thực tế. • Trong Sổ tay vận hành dự án, các loại dự án sẽ được quy định phù hợp với quy định của Việt Nam và Ngân hàng Thế giới. • Về yêu cầu hỗ trợ đàm phán với Ngân hàng Thế giới, Ban QLDA thấy rằng dự án GCF này có sự hỗ trợ rất thuận lợi và không có nhiều nội dung để thương lượng lãi suất.

<i>Các ý kiến</i>	<i>Phản hồi của PMU và Tư vấn</i>
<p>phức tạp. Kết quả là một khó khăn cho các IE để đáp ứng các tiêu chuẩn bình thường phù hợp với cả hai luật. Điều này dẫn đến nhiều hạn chế về tiếp cận vốn và giảm khả năng cạnh tranh. Do đó, trong quá trình phát triển dự án và đàm phán với Ngân hàng Thế giới, Ban quản lý dự án của Bộ Công Thương cần thảo luận vấn đề này để hài hòa lợi ích giữa đơn vị giải ngân và đơn vị vay.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Làm rõ các quy tắc và thủ tục khi rủi ro xảy ra. Trong trường hợp này, tiêu chuẩn để được bảo đảm các khoản vay là gì? PFI cũng được dự kiến sẽ giảm lãi suất, để bù đắp chi phí. • Về việc sàng lọc các dự án, các dự án xây dựng mới hoặc các dự án nâng cấp có phải tuân theo các quy định của Việt Nam hoặc WB? • Trong hợp phần hỗ trợ kỹ thuật, cần xây dựng năng lực cộng đồng để giúp cộng đồng hiểu được mức độ tham gia của họ ở bất kỳ giai đoạn nào của dự án. • Và trong trường hợp phục hồi dự án đòi hỏi cải thiện kỹ năng của nhân viên, chi phí cải thiện kỹ năng đó sẽ bao gồm vốn vay của dự án hoặc nguồn khác? • Nếu dự án thuộc loại có ảnh hưởng lớn đến môi trường, khi nó được nâng cấp hoặc cải tạo, nó có phải là một dự án bị ảnh hưởng lớn hay không? 	<ul style="list-style-type: none"> • Về tiêu chí thanh toán bảo lãnh, vấn đề này chưa được quyết định, nó sẽ được trao đổi và làm rõ với Ngân hàng Thế giới. • Dự án VSUEE đang thúc đẩy tính hấp dẫn của dự án VEEIE và lãi suất vẫn đang trong quá trình đàm phán để tìm ra giải pháp cho lãi suất. Ngân hàng Thế giới cũng đang xem xét một cơ chế để giảm rủi ro cho các ngân hàng thương mại khi tỷ giá hối đoái thay đổi. • Về việc sàng lọc các dự án, dự án xây dựng mới hoặc cải tạo phải tuân theo các quy định của Việt Nam. Nếu các dự án nâng cấp và phục hồi được thực hiện trong khu vực dự án, thì các khung chính sách của WB như OP 4.12 và OP 4.10 không bắt buộc. • Việc chuyển giao công nghệ, xây dựng năng lực sẽ phụ thuộc vào trường hợp cụ thể được xác định trong từng dự án hoặc từ vốn của nhà đầu tư. Hỗ trợ kỹ thuật sẽ được cung cấp như là một phần của tiểu dự án phụ thuộc vào việc thương lượng trong hợp đồng mua thiết bị. • Nếu dự án được nâng cấp hoặc cải tạo để làm cho môi trường tốt hơn, phục hồi và phục hồi môi trường, chủ dự án sẽ không phải thực hiện lại ĐTM, chỉ cần có kế hoạch bảo vệ môi trường. Nếu một dự án cải tạo quy mô lớn có thể tăng công suất và dự án đã được triển khai quá lâu, vẫn có thể cần phải làm lại ĐTM.
<ul style="list-style-type: none"> • Sau 6 tháng - 1 năm, khi kiểm tra tiểu dự án được thực hiện, tiểu dự án không đáp ứng các tiêu chuẩn do WB quy định, tiểu dự án có bị loại ra khỏi dự án VSUEE này không? Trong trường hợp này, sẽ có thiệt hại cho cả khách hàng và ngân hàng, ngân hàng không thể rút số tiền vay và phí bảo lãnh mà ngân hàng đã chi tiêu. Trong trường hợp này, vui lòng làm rõ và xem xét cơ chế nào để khắc phục hoặc 	<ul style="list-style-type: none"> • Để giảm thiệt hại như đã đề cập từ các dự án được bảo lãnh, PFI được yêu cầu tăng cường trách nhiệm của họ đối với việc xác minh và giám sát trong suốt quá trình thực hiện dự án. • Chẳng hạn như vấn đề phát sinh sẽ được phát hiện trong giai đoạn đầu và sau đó cả ngân hàng và các bên vay nợ sẽ phải đồng ý về một phương án giải quyết.

<i>Các ý kiến</i>	<i>Phản hồi của PMU và Tư vấn</i>
<p>bồi thường thiệt hại trong trường hợp này đối với các PFI.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Ngân hàng Thế giới và PMU sẽ dành thời gian cho PFI và IE để khắc phục. Nếu sau một khoảng thời gian mà không có biện pháp khắc phục hậu quả nào được thực hiện hoặc nếu không có hành động khắc phục nào được thực hiện, bên tài trợ phải có hành động. • Trong thực tế, những rủi ro sẽ rơi vào các ngân hàng nhiều hơn doanh nghiệp. Điều đó liên quan đến các ràng buộc ngân hàng về trách nhiệm xem xét và đánh giá các dự án để đưa ra quyết định cho vay.
<ul style="list-style-type: none"> • Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã hợp tác với IFC đã ban hành sổ tay đánh giá rủi ro cho phát triển kinh tế xã hội trong 10 ngành ở Việt Nam theo tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn EHS. Hơn nữa, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đào tạo cho các ngân hàng thương mại, bao gồm cả ngành năng lượng. Tư vấn nên tham khảo sách hướng dẫn này cho khung chính sách. • Thực tế, rất khó cho hầu hết cán bộ tín dụng của ngân hàng thương mại có kiến thức kỹ thuật. Trong khi các khung chính sách này mang tính kỹ thuật cao, đặc biệt là trong giai đoạn sàng lọc với những người thực hiện các IE và PFI, điều này gây khó khăn cho quá trình thẩm định dự án. Các chuyên gia tư vấn và Ban QLDA cần lưu ý trong quá trình soạn thảo khung chính sách để các IE và PFI dễ tiếp cận và sử dụng các khuôn khổ hơn. • Cũng xem xét đào tạo các thẩm định viên để họ có thể sử dụng và áp dụng khung chính sách này để sàng lọc và thẩm định các tiểu dự án. • Việc áp dụng khung chính sách sẽ ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của ngân hàng, với quá nhiều tiêu chí nghiêm ngặt về phát triển kinh tế xã hội của khung chính sách phải đáp ứng. Vì vậy, hãy làm rõ, những quy định của Việt Nam hoặc Ngân hàng Thế giới mà IE sẽ tuân theo. Khi tuân thủ các quy định của Việt 	<ul style="list-style-type: none"> • Tư vấn và nhóm dự án đã nhận được ý kiến từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và sẽ tiếp cận hướng dẫn đã ban hành để tham khảo thêm. • Các dự án thực hiện tại Việt Nam phải tuân thủ các quy định của Việt Nam trước. Phân tích GAP sẽ được xác định và sau đó các yêu cầu cho các hành động hoặc giải pháp bổ sung như đã nêu trong khung chính sách này tùy thuộc vào dự án. • Khả năng cạnh tranh, tùy thuộc vào sự lựa chọn của người vay, cho dự án vay của Ngân hàng Thế giới, chi phí cho chính sách an toàn của Môi trường và xã hội sẽ cao hơn nhiều nhưng an toàn hơn, ít rủi ro hơn cho các tiểu dự án.

Dự án Thúc đẩy tiết kiệm Năng lượng cho các ngành Công nghiệp ở Việt Nam
 Khung Chính sách Dân tộc thiểu số (EMPF)

<i>Các ý kiến</i>	<i>Phản hồi của PMU và Tư vấn</i>
Nam, nó đã đáp ứng các quy định của khung chính sách của Ngân hàng Thế giới?	
<ul style="list-style-type: none"> • Vui lòng cung cấp cụ thể cách để xác định các tiểu dự án trong Nhóm A, Nhóm B hoặc Nhóm C trong khung chính sách. • Tham vấn cộng đồng sẽ được tiến hành cho các tiểu dự án này trong quá trình ĐTM; tuy nhiên, trong khi biên dịch với khung chính sách, có một số ý kiến không chắc chắn với các yêu cầu cho tham vấn cộng đồng. Những điều này nên được quy định trong khung chính sách. • Tham vấn đề cập đến phân loại dự án trong luật đầu tư công, trong đó các dự án được phân thành nhóm A, B hoặc C 	<ul style="list-style-type: none"> • Đối với nội dung sàng lọc, phần này cần được xem xét cẩn thận để xác định các loại A, B hoặc C theo khung chính sách của Ngân hàng Thế giới. • Có thể tham khảo OP 4.01 WB trong phụ lục, tư vấn sẽ tiếp thu và sẽ làm rõ, định lượng trong khung chính sách • Tư vấn sẽ xem xét phân loại dự án trong Luật đầu tư công. Tuy nhiên, việc phân loại dự án sẽ vẫn theo hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới và Luật và Quy định của Việt Nam. Nếu cần phải rõ ràng hơn, tư vấn sẽ bổ sung vào khung chính sách để làm rõ dự án theo quy định của Việt Nam và WB.
<ul style="list-style-type: none"> • Về khung chính sách, không rõ cách cập nhật khung chính sách này như thế nào khi có bất kỳ chính sách hoặc quy định pháp luật nào mới. 	<ul style="list-style-type: none"> • Việc cập nhật các tài liệu là có thể bởi vì các khung chính sách an toàn môi trường, xã hội, tái định cư và dân tộc thiểu số này phải phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành Việt Nam và WB.

Bản dự thảo EMPF bằng tiếng Việt đã được công bố tại văn phòng Bộ Công Thương vào ngày 23 tháng 05 trước khi diễn ra buổi hội thảo tham vấn. Bản dự thảo tiếng Việt cuối sẽ được công bố tại trang web của Bộ Công Thương và bản dự thảo tiếng Anh sẽ được công bố tại quầy thông tin của ngân hàng trước khi gửi cho hội đồng thẩm định.

PHẦN 5. PHÀN NÀN VÀ KHIẾU NẠI

Chủ dự án phải thiết lập cơ chế khiếu nại và khiếu kiện để tiếp nhận và giải quyết tái định cư, xung đột văn hóa, tiếp cận tài nguyên thiên nhiên, sinh kế và các vấn đề đất nông nghiệp của các cộng đồng/cá nhân/ DTTS bị ảnh hưởng bởi dự án. Cơ chế phải dựa trên nguyên tắc (i) Cân đối; (ii) Có khả năng tiếp cận; (iii) Minh bạch; và (iv) sự phù hợp văn hóa như sau.

- (i) Cân đối có nghĩa là mở rộng quy mô cơ chế phù hợp với nhu cầu dự án. Trong một dự án có tác động bất lợi tiềm năng thấp, cơ chế trực tiếp và đơn giản để giải quyết vấn đề được ưu tiên cho việc giải quyết và giải quyết khiếu nại ví dụ như các cuộc họp công khai, đường dây nóng, phương tiện truyền thông hiện có, tài liệu quảng cáo, và cán bộ liên lạc cộng đồng;
- (ii) Khả năng tiếp cận nghĩa là thiết lập một cơ chế rõ ràng, miễn phí và có thể dễ dàng truy cập đối với mọi bộ phận của các cộng đồng chịu tác động/ các hộ gia đình DTTS và các bên liên quan tiềm năng khác. Cách tốt nhất để đạt được điều này là địa phương hóa các điểm liên lạc. Điều này hợp lệ cho cả chủ sở hữu và nhà thầu xây dựng. Liên quan đến vấn đề đó, cần triển khai tuyển dụng nhân viên có kỹ năng phù hợp, được đào tạo và làm quen với công việc liên lạc cộng đồng trong lĩnh vực này càng nhanh càng tốt. Khả năng tiếp cận cho phép chủ sở hữu có thể xây dựng các mối quan hệ mang tính xây dựng nhiều hơn với các cộng đồng địa phương. Điều này cũng sẽ giúp can thiệp một cách nhanh chóng vào bất kỳ tranh chấp hay bất ổn nào của xã hội một cách thích hợp, vì việc duy trì sự có mặt thường xuyên của một

guang mặt quen thuộc trong lĩnh vực này giúp đỡ rất nhiều trong việc lồng ghép sự tin tưởng và do đó, xây dựng các mối quan hệ trở nên gần gũi hơn;

- (iii) Tính minh bạch có nghĩa là các thành viên của cộng đồng chịu tác động có quyền biết được ai có trách nhiệm xử lý các khiếu nại và trao đổi các kết quả khắc phục được các khiếu nại. Điều này hữu ích đối với những người tin tưởng vào cơ chế khiếu nại do cả chủ dự án và nhà thầu xây dựng sử dụng;
- (iv) Sự phù hợp về mặt văn hóa nghĩa là có sự nhạy cảm văn hóa trong khi thiết kế và thực hiện các cơ chế khiếu nại.

Để thực hiện các nguyên tắc này, các chủ dự án sẽ được tiếp cận với các bên liên quan và phải trả lời khiếu nại của họ trong thời gian ngắn nhất có thể. Vấn đề then chốt để ứng phó với các khiếu nại là phải đảm bảo tất cả các khiếu nại đều được ghi nhận; bộ phận có liên quan của các chủ dự án phải có trách nhiệm với các khiếu nại; và việc khắc phục được hai bên chấp nhận. Vì vậy, câu trả lời đối với các khiếu nại sẽ trở nên thỏa đáng cho cả hai bên, các hành vi sẽ được theo dõi, và người khiếu nại sẽ được thông báo kết quả của các biện pháp khắc phục. (Xem hình 1)

Trong trường hợp không có thỏa thuận giữa các bên và người/ cộng đồng chịu tác động, khiếu nại và khiếu kiện sẽ được gửi đến cơ sở tư pháp nhà nước có trách nhiệm như sau.

Cấp độ thứ nhất - Tại Ủy ban Nhân dân xã (CPC)

Hộ gia đình bị thiệt hại có thể khiếu nại lên bộ phận tiếp nhận của Ủy ban Nhân dân cấp xã và được hướng dẫn các thủ tục cần thiết. UBND xã sẽ làm việc riêng với hộ gia đình có khiếu nại và sẽ có 5 ngày sau khi nhận được khiếu nại để giải quyết (Lưu ý: ở vùng sâu vùng xa, miền núi, khiếu nại có thể được giải quyết trong vòng 15 ngày). UBND xã có trách nhiệm lập hồ sơ và lưu trữ toàn bộ các khiếu nại đang xử lý. Sau khi có quyết định của UBND xã, người khiếu nại có thể kháng cáo trong vòng 30 ngày. Nếu quyết định lần hai đã được ban hành mà hộ gia đình vẫn chưa thấy hài lòng với quyết định đó thì có thể khiếu nại lên UBND huyện.

Cấp độ thứ hai - Tại Ủy ban Nhân dân huyện (DPC)

Sau khi nhận được đơn khiếu nại từ hộ gia đình, UBND huyện sẽ có 15 ngày (hoặc 45 ngày đối với vùng sâu, vùng xa) sau khi nhận được khiếu nại để giải quyết vụ án. UBND huyện có trách nhiệm lập hồ sơ và lưu trữ toàn bộ các khiếu nại đang xử lý. Sau khi có quyết định của UBND huyện, người khiếu nại có thể kháng cáo trong vòng 30 ngày. Nếu quyết định lần hai đã được ban hành mà hộ gia đình vẫn chưa thấy hài lòng với quyết định đó thì có thể khiếu nại lên UBND tỉnh.

Cấp độ thứ ba - Tại Ủy ban Nhân dân tỉnh (PPC)

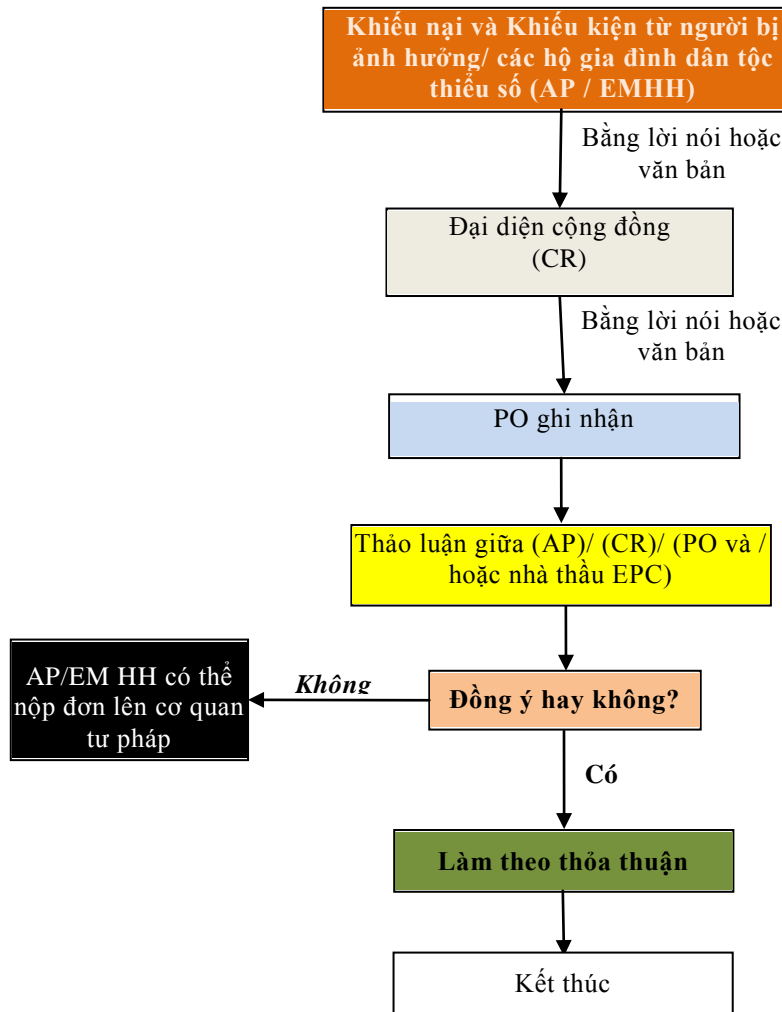
Sau khi nhận được đơn khiếu nại từ hộ gia đình, UBND tỉnh sẽ có 30 ngày (hoặc 45 ngày đối với vùng sâu, vùng xa) sau khi nhận được khiếu nại để giải quyết vụ án. UBND tỉnh có trách nhiệm lập hồ sơ và lưu trữ toàn bộ các khiếu nại đang xử lý. Sau khi có quyết định của UBND tỉnh, người khiếu nại có thể kháng cáo trong vòng 45 ngày. Nếu quyết định lần hai đã được ban hành mà hộ gia đình vẫn chưa thấy hài lòng với quyết định đó thì có thể khiếu nại lên Tòa án trong vòng 45 ngày.

Cấp độ cuối cùng - Tòa án ra quyết định

Nếu người khiếu nại nộp hồ sơ trường hợp của mình vào các tòa án và các quy tắc của tòa án là có lợi cho người khiếu nại, khi đó chính quyền tỉnh sẽ phải tăng mức đền bù theo quyết định của tòa án. Trong trường hợp tòa án đứng về phía UBND tỉnh, người khiếu nại sẽ được bồi thường theo phương án bồi thường đã được phê duyệt và tuân thủ mọi quy định về GPMB (Giải phóng mặt bằng).

Để đảm bảo rằng các cơ chế nêu trên phù hợp với thực tế và có thể chấp nhận được đối với

người DTTS chịu tác động, cần triển khai công tác tham vấn về cơ chế giữa chính quyền địa phương và cộng đồng chịu tác động, đặc biệt là tham vấn với các nhóm cần được bảo vệ.



Hình 1. Cơ chế khiếu nại, khiếu kiện cơ bản của Dự án

PHẦN 6. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Để đảm bảo rằng EMDP được thực hiện một cách minh bạch và tuân thủ các EMPF và Chính sách người bản địa của Ngân hàng Thế giới. (OP4.10), cần phải thiết lập một cơ chế giám sát và đánh giá cho tất cả các thành phần dự án trong suốt quá trình thực hiện dự án. Giám sát và đánh giá là một quá trình liên tục. Các IAs sẽ chịu trách nhiệm giám sát nội bộ và có một cơ quan bên ngoài được IAs tuyển dụng sẽ chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá độc lập. Trong phạm vi có thể, IAs sẽ xem xét đề tích hợp giám sát nội bộ và bên ngoài theo yêu cầu của OP 4.10 thành nhiệm vụ tương tự theo OP 4.12. Những phát hiện của cả hai giám sát RP và giám sát EMDP nên được bao gồm trong một báo cáo đề nộp cho Ban QLDA và Ngân hàng Thế giới xem xét.

Cuộc giám sát nội bộ sẽ được IAs tiến hành hàng tháng với những mục tiêu như sau:

- Đảm bảo tất cả các tác động tiêu cực của các tiểu dự án trên DTTS phải được tối giản, hạn chế tối đa hoặc được bồi thường phù hợp với EMDP theo EMPF này;
- Đảm bảo các biện pháp tối đa hóa lợi ích và giảm thiểu tác động bất lợi được thực hiện một cách phù hợp với văn hóa của đồng bào dân tộc;
- Xác định liệu những tham vấn được thông báo trước và miễn phí cho cộng đồng dân tộc có được tiến hành một cách phù hợp với văn hóa của các đồng bào dân tộc hay không. Xác định những thủ tục khiếu nại có theo đúng EMPF không và đề xuất những biện pháp nếu phát sinh những vấn đề;
- Tuân thủ các quy định về tái định cư và giải phóng mặt bằng và triển khai thi công để đảm bảo rằng EMs bị ảnh hưởng được bồi thường, hỗ trợ về tái định cư một cách thỏa đáng trước khi khởi công xây dựng.

Việc giám sát bên ngoài sẽ được tiến hành bởi một cơ quan bên ngoài có chuyên môn trong lĩnh vực khoa học xã hội. Những chỉ số trọng yếu về việc giám sát và đánh giá bên ngoài được trình bày như sau:

- Tư vấn và nâng cao nhận thức về lợi ích của dự án, chính sách tái định cư và quyền lợi cho cộng đồng các dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng (có liên quan);
- Mức độ hài lòng của cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng đối với các quy định và việc thực hiện EMDP;
- Cơ chế bồi thường giải quyết khiếu nại (hồ sơ, quy trình, giải pháp);
- Hiệu quả và tính bền vững của các quyền lợi và biện pháp phục hồi thu nhập cho EMs bị ảnh hưởng;
- Tác động và chiến lược về giới;
- Khả năng của EMs bị ảnh hưởng để phục hồi/ tái lập lại sinh kế và mức sống. Chú ý đặc biệt đối với các hộ gia đình bị ảnh hưởng nặng và dễ bị tổn thương;
- Những tác động tái định cư gây ra trong công tác xây dựng;
- Sự tham gia của EMs bị ảnh hưởng trong việc quy hoạch, điều chỉnh và thực hiện EMDP.
- Năng lực thể chế, giám sát nội bộ và báo cáo; và

- Hướng quỹ của Chính phủ về việc bồi thường và trợ cấp cho EMs bị ảnh hưởng nặng nề nếu có.

PHẦN 7. HƯỚNG DẪN LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ (EMDP)

Trong giai đoạn chuẩn bị các tiểu dự án trọng tâm chính sẽ thực hiện kiểm tra, đánh giá xã hội và đánh giá tùy chọn, thiết lập các khuôn khổ thể chế, thông báo cho tất cả các cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng, tiến hành, tham vấn trước, và thông báo miễn phí cho các cộng đồng, và đánh giá xem liệu có sự ủng hộ rộng rãi trong cộng đồng đối với các tiểu dự án hay không.

7.1 Những nguyên tắc dự án đối với Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số

Những nguyên tắc phát triển dân tộc thiểu số cơ bản của dự án bao gồm:

- Các dân tộc thiểu số được khuyến khích tham gia vào các công tác dự án và họ sẽ được hưởng những lợi ích từ dự án một cách phù hợp với văn hóa;
- Cần tránh và giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến cộng đồng dân tộc thiểu số, như các nhóm riêng biệt và dễ bị tổn thương, bằng cách khai thác tất cả các lựa chọn khả thi;
- Việc chuẩn bị của EMDP (như là một phần để chuẩn bị cho dự án) và thực hiện nó cùng với sự tham gia và tham vấn của các đồng bào dân tộc thiểu số; và

Ngân sách và tiến trình thực hiện của EMDP (bao gồm khảo sát và cơ chế tham gia) và việc thực hiện phải được thống nhất trong mỗi dự án.

7.2 Những vấn đề về việc thu hồi đất và tái định cư của các dân tộc thiểu số

Trong trường hợp thu hồi đất mà EM đã sử dụng, thì phải tuân thủ cả Khung chính sách tái định cư và EMPF này. Chính sách này đòi hỏi một kế hoạch tái định cư phù hợp với quyền ưu tiên về văn hóa của các dân tộc thiểu số, bằng cách sử dụng một chiến lược tái định cư trên đất liền. Dưới đây sẽ cho thấy sự liên quan đến việc chuẩn bị thu hồi đất và tái định cư của đồng bào dân tộc thiểu số:

- REDP sẽ không đồng ý với việc di dời của đồng bào các dân tộc thiểu số nếu họ không có sự ủng hộ rộng rãi;
- Các dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng cùng với ban tham vấn tham gia vào việc chuẩn bị di dời;
- An ninh lương thực trong khu định cư mới được đảm bảo ít nhất phải được như khu định cư trước;
- Các khu tái định cư sẽ được tiếp cận với các cơ sở và dịch vụ ít nhất phải giống hoặc tốt hơn vùng đất đã mất;
- Thông tin về việc tái định cư của các dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng được cung cấp bằng việc sử dụng những chỉ dẫn thông tin được khuyến cáo trong phần dưới đây;
- Việc tái định cư của những cộng đồng bị ảnh hưởng sẽ được hoàn tất trước khi bắt đầu công tác xây dựng;
- Nếu bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án, đồng bào dân tộc thiểu số được hưởng bồi thường cho tất cả vùng đất bị mất và tài sản, thu nhập và các doanh nghiệp bị ảnh hưởng với chi phí thay thế và cung cấp các biện pháp khôi phục đầy đủ để giúp họ cải

thiện hoặc ít nhất duy trì mức sống, thu nhập, năng lực sản xuất trước dự án của họ;

- Việc thiếu các quyền hợp pháp đối với tài sản bị mất hoặc bị ảnh hưởng tiêu cực sẽ không làm họ bị mất quyền được hưởng bồi thường thiệt hại và các biện pháp khôi phục;
- Trong trường hợp mà nơi tái định cư và di dời của các hộ dân tộc thiểu số được yêu cầu, những nỗ lực cần phải thực hiện về cơ sở hạ tầng hiện có và những đơn vị văn hóa xã hội của người dân tái định cư, cộng đồng sở tại và cộng đồng chuyển đến sẽ được duy trì và phát triển;
- Tiến hành bồi thường cho người dân tộc thiểu số, các hộ gia đình phụ nữ làm chủ, gia đình có người tàn tật hoặc người cao tuổi với sự tôn trọng các giá trị văn hóa và nhu cầu cụ thể của họ.

7.3 Lập Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số

a. Sàng lọc

Sàng lọc là bước đầu tiên được thực hiện để xác định sự hiện diện của các cộng đồng dân tộc thiểu số và những cơ hội có thể thấy trước cũng như các rủi ro liên quan đến việc thực hiện dự án. Sàng lọc cũng giúp xác định các khu vực nhạy cảm với môi trường và quan trọng với xã hội bao gồm rừng đặc dụng thì cần phải loại bỏ ngay khỏi bất kỳ hoạt động dự án nào được đề xuất.

Tổ công tác gồm thành viên của WB, PMU của PO, và cơ quan quản lý địa phương sẽ tham vấn tất cả các xã nằm trong vùng ảnh hưởng của các tiểu dự án trong đợt tham vấn cộng đồng đầu tiên. Trước khi tham vấn, PMU sẽ gửi thư đến các xã để thông báo các nội dung làm việc cho các cán bộ xã về đợt tham vấn của PMBs hoặc các chuyên gia tư vấn dự án. Trong công văn yêu cầu các xã mời các đại diện của hội nông dân, phụ nữ, trưởng thôn và cán bộ chủ chốt của xã tới cuộc họp để thảo luận về các tiểu dự án. Nếu có người dân tộc thiểu số trong xã thì các người lãnh đạo của dân tộc đó cũng sẽ được mời đến cuộc họp. Trong chuyến thăm này, các lãnh đạo xã và những người tham gia khác sẽ trình bày quan điểm của mình về các tiểu dự án.

Tại chuyến làm việc này, nhóm sẽ thực hiện sàng lọc đối với cộng đồng dân tộc thiểu số với sự giúp đỡ của những người đứng đầu của nhóm dân tộc thiểu số và chính quyền địa phương. Công tác sàng lọc sẽ kiểm tra các nội dung dưới đây:

- Tên của các dân tộc trong xã
- Tổng số dân tộc trong xã
- Tỷ lệ dân tộc thiểu số trong dân số của xã
- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các hộ dân tộc thiểu số trong khu vực bị ảnh hưởng của Tiểu dự án được đề xuất.

Bảng 4: Hướng dẫn sàng lọc trong EMDP

Khi nào tiến hành sàng lọc: Tại thời điểm tham vấn đầu tiên với một xã.

Thu thập thông tin gì: Thu thập dữ liệu nhân khẩu học về các dân tộc thiểu số trong khu vực bị ảnh hưởng.

Thu thập thông tin như thế nào: Có thể thu thập từ những người đứng đầu của các dân tộc, già làng hoặc chính quyền địa phương.

Ai sẽ là người thực hiện sàng lọc: Nhân viên của PMUs hoặc chuyên gia tư vấn:
Việc sàng lọc của mỗi xã sẽ hoàn thiện trong một ngày.

b. Đánh giá xã hội

Nếu những kết quả chỉ ra có các cộng đồng dân tộc thiểu số trong vùng bị ảnh hưởng của tiểu dự án được đề xuất, IAs cần phải thực hiện Đánh giá xã hội cho các khu vực dự án đó để đánh giá những ảnh hưởng tiêu cực và tích cực tiềm năng của dự án đến các cộng đồng dân tộc thiểu số, và khảo sát những lựa chọn thay thế cho dự án nơi mà ảnh hưởng tiêu cực có thể xảy ra nghiêm trọng. Chiều rộng, chiều sâu và kiểu phân tích trong đánh giá xã hội tỉ lệ thuận với bản chất và quy mô của những tác động tiềm năng của dự án đối với cộng đồng các dân tộc thiểu số dù những tác động đó là tích cực hay tiêu cực. Các đánh giá xã hội được thực hiện bởi các nhà khoa học xã hội (các chuyên gia tư vấn) người mà có trình độ, kinh nghiệm, và TOR được xóa bởi Ngân hàng.

SA sẽ bao gồm: cơ sở dữ liệu, phân tích thể chế, nó sẽ xác định khuôn khổ cho việc tư vấn trong suốt chu kỳ dự án. Thông tin sẽ được thu thập từ những cuộc họp nhóm riêng: lãnh đạo dân tộc thiểu số, đàn ông dân tộc thiểu số; và phụ nữ dân tộc thiểu số, đặc biệt là những người sống trong khu vực bị ảnh hưởng của công tác đề xuất theo tiểu dự án. Các cuộc thảo luận sẽ tập trung vào những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của tiểu dự án, sự hỗ trợ cộng đồng; và những khuyến nghị về việc thiết kế và thực hiện tiểu dự án. Bên vay sẽ chịu trách nhiệm phân tích các SA, và dẫn đầu phát triển kế hoạch thực hiện cùng với cộng đồng các dân tộc thiểu số, kỹ sư dự án và nhân viên khác. Những quyết định khác nhau về những bước tiếp theo sẽ được miêu tả dưới đây:

- Nếu SA chỉ ra những tác động tiêu cực đáng kể và/hoặc sự đối kháng mạnh mẽ của cộng đồng dân tộc thiểu số, các cơ quan thực hiện được yêu cầu khai thác những lựa chọn thay thế. Điều đáng cần lưu ý là những tác động không chỉ là những tổn thất về đất (điều được quy định trong RP tương ứng), mà còn có những tác động vô hình khác ở cấp cộng đồng;
- Nếu cộng đồng dân tộc thiểu số ủng hộ thực hiện tiểu dự án, một EMDP sẽ được phát triển để giải quyết những tác động tiêu cực và tích cực tiềm năng của tiểu dự án.

Bảng 5: Hướng dẫn đánh giá xã hội cho EMDP

Khi nào thì tiến hành SA: Nếu kết quả sàng lọc cho thấy có những hộ gia đình dân tộc thiểu số trong khu vực ảnh hưởng của các tiểu dự án, thì đánh giá tác động xã hội sẽ được tiến hành.

Cần thu thập thông tin gì: Thu thập các thông tin sau: thông tin về nhân khẩu học, tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội; những tác động tích cực và tiêu cực đối với kinh tế, xã hội của tiểu dự án.

Thu thập thông tin như thế nào: thông tin sẽ được thu thập tại các cuộc họp nhóm riêng với các nhóm dân tộc thiểu số như sau: 1) người đứng đầu của EM; 2) đàn ông dân tộc thiểu số; và 3) phụ nữ dân tộc thiểu số, đặc biệt là những người sống trong khu vực ảnh hưởng. Người tiến hành Đánh giá xã hội là: Nhân viên PMB hoặc các chuyên gia tư vấn.

Thời gian quy định: Việc thu thập thông tin Đánh giá Xã hội đối với mỗi xã được thực hiện trong khoảng hai hoặc ba ngày. Sẽ mất hai hoặc ba ngày nữa để phân tích dữ liệu và soạn thảo báo cáo cuối cùng.

c. Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP)

Khi Đánh giá Xã hội xác định rằng các tiểu dự án đề xuất có ảnh hưởng tới các dân tộc thiểu

số, thì một EMDP được yêu cầu thực hiện cho các tiểu dự án để đảm bảo a) Đồng bào dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi các tiểu dự án sẽ nhận được những lợi ích về kinh tế văn hóa phù hợp, b) Khi xác định thấy những tác động tiêu cực tiềm ẩn đối với các dân tộc thiểu số, thì phải tránh, giảm thiểu, hạn chế tối đa và phải bồi thường cho những tác động tiêu cực đó cho người dân tộc thiểu số. Khi người dân tộc là duy nhất hoặc đại đa số trong các đối tượng thụ hưởng dự án trực tiếp, các yếu tố của một EMDP nên được bao gồm trong thiết kế tổng thể của dự án và trong RP của các tiểu dự án, và một EMDP riêng biệt của mỗi tiểu dự án là không cần thiết.

Các IAs có trách nhiệm chuẩn bị EMDP với sự hỗ trợ kỹ thuật của các chuyên gia tư vấn xã hội đủ điều kiện. EMDP sẽ được chuẩn bị một cách linh hoạt và thực tế, và mức độ chi tiết khác nhau tùy thuộc vào các dự án cụ thể và bản chất của hiệu ứng để được giải quyết. EMDP bao gồm các yếu tố sau:

- (i) Một bản tóm tắt các thông tin về khuôn khổ pháp lý và thể chế áp dụng đối với DTTS về các đặc điểm nhân khẩu học, xã hội, văn hóa và chính trị của cộng đồng các dân tộc bị ảnh hưởng, đất đai và lãnh thổ mà họ đã sở hữu từ trước hoặc sử dụng hoặc chiếm, và các nguồn tài nguyên thiên nhiên mà họ phụ thuộc;
- (ii) Một bản tóm tắt của đánh giá xã hội;
- (iii) Một bản tóm tắt kết quả của việc tham vấn được thông báo trước và miễn phí cho cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng đã được thực hiện trong quá trình chuẩn bị dự án và dẫn đến sự ủng hộ rộng rãi cho dự án;
- (iv) Một chương trình khung để đảm bảo tham vấn được thông báo trước và miễn phí cho các cộng đồng dân tộc thiểu số trong quá trình thực hiện dự án;
- (v) Một bản kế hoạch thực hiện các biện pháp để đảm bảo các dân tộc thiểu số được hưởng những lợi ích về kinh tế và xã hội một cách phù hợp về văn hóa, bao gồm, nếu cần, những biện pháp để nâng cao năng lực của các cơ quan thực hiện dự án.
- (vi) Khi xác định thấy những tác dụng bất lợi cho đồng bào dân tộc, cần phải thực hiện một kế hoạch hành động thích hợp gồm các biện pháp để tránh, giảm thiểu tối đa, giảm bớt, hoặc đền bù cho những tác dụng bất lợi đó;
- (vii) Dự toán chi phí và kế hoạch tài chính cho các EMDP;
- (viii) Cần có những thủ tục thích hợp cho dự án để giải quyết những bất bình của cộng đồng các dân tộc bị ảnh hưởng phát sinh từ việc thực hiện dự án. Khi thiết kế các thủ tục bồi thường khiếu nại, sự sẵn có của các cầu viện tư pháp và cơ chế giải quyết tranh chấp về phong tục giữa các dân tộc nên được đưa vào các khoản mục;
- (ix) Các cơ chế và các tiêu chuẩn phù hợp với dự án cho việc giám sát, đánh giá và báo cáo về việc thực hiện EMDP. Các cơ chế giám sát và đánh giá cần bao gồm cả những thỏa thuận về việc tham vấn thông báo trước và miễn phí cho các cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng.

d. Thực hiện EMDP

Trách nhiệm và các đối tượng liên quan đến các dự án VSUEE như sau:

- *PFI và WB*: Tất cả EMDP chuẩn bị theo VSUEE phải được xem xét lại bởi PFI và WB trước khi chính thức thực hiện, PIE sẽ hỗ trợ các PFIs nhận diện các tiểu dự án phù hợp nhưng trách nhiệm của PFI là thẩm định các dự án EE dựa vào các yêu cầu hợp lệ quy định trong OM;
- *IE hoặc Tư vấn*: cần phải thảo luận và nhận được NOL của Ngân hàng trước khi bước vào việc chuẩn bị chính thức của văn bản đó;
- *IAs*: có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương có liên quan để triển khai

thực hiện EMDP;

- *CPCs cấp tỉnh, huyện, xã*: Phối hợp với IE, Tư vấn, IA triển khai EMDP theo các nguyên tắc đưa ra trong EMPF này và các quy định của Việt Nam;
- *Các tổ chức cộng đồng như Hội phụ nữ, Hội nông dân...*: đóng vai trò tích cực trong việc thực hiện và giám sát EMDP;
- *EMs*: tham gia giám sát thực hiện EMDP như tiến độ, sự đầy đủ, phù hợp...

Tất cả các hoạt động của EMDP trong suốt quá trình thực hiện một tiểu dự án sẽ được tiến hành một cách thích hợp về mặt văn hóa đối với người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Các IAs sẽ thiết lập công việc cho các cuộc đối thoại và các cuộc họp với chính quyền địa phương, các nhóm cộng đồng đại diện, và các nhà lãnh đạo truyền thống thường xuyên đại diện cho DTTS. Các tổ chức đoàn thể, đặc biệt là Hội Liên hiệp Phụ nữ, sẽ đóng một vai trò tích cực trong việc thực hiện và giám sát của EMDP.

Cần phải tăng cường và cải thiện năng lực của các cơ quan thi hành ở cấp tỉnh và cấp huyện đối với việc thực hiện an toàn xã hội để đáp ứng yêu cầu của WB. Nó cũng cần phải xây dựng năng lực của các cộng đồng địa phương về việc thực hiện và giám sát của RP và EMDP. Vì vậy, IAs có trách nhiệm cung cấp các khóa đào tạo và hội thảo về việc thực hiện và giám sát của RP và EMDP cho cơ quan có thẩm quyền và cộng đồng. Việc đào tạo cần được tổ chức trước khi bắt đầu bất kỳ hoạt động liên quan đến việc thực hiện RP và EMDP. Các khóa đào tạo cần được tổ chức ở mỗi cấp trong đó có cấp tỉnh, huyện và xã để các bên liên quan khác nhau có thể được tham gia. Các khóa học đào tạo cho người dân tộc cần phải phù hợp với văn hóa của họ.

EMDP nên có một lịch trình thực hiện phối hợp với việc thực hiện tiểu dự án. Một cách logic, việc đánh giá tác động về xã hội và các cuộc họp nhóm nên được thực hiện trước khi thiết kế tiểu dự án được chuẩn bị. Đền bù thu hồi đất phải được hoàn tất mỹ mãn ít nhất một tháng trước khi bắt đầu công việc dân sự. Giám sát nên diễn ra ở những lần đề nghị và theo quy định của EMDP trong chu kỳ dự án.

Ngân sách cho việc thực hiện EMDP sẽ được ước tính trong quá trình chuẩn bị EMDP dựa trên các hoạt động cụ thể được đề xuất cho mỗi EMDP. EMDP sẽ xác định và cung cấp ngân sách cho việc thực hiện. Kinh phí cho việc chuẩn bị và thực hiện EMDP xuất phát từ vốn đối ứng của Chính phủ (có thể được bao gồm trong ngân sách cho việc thực hiện chính sách an sinh xã hội của dự án).

Bảng 6 Hướng dẫn chuẩn bị kế hoạch thực hiện

Khi nào chuẩn bị kế hoạch thực hiện: Ngay sau khi SA, nếu các dân tộc thiểu số ủng hộ các tiểu dự án.

Chuẩn bị kế hoạch thực hiện như thế nào: Kế hoạch này được xây dựng dựa lên kết quả tham vấn và tham gia của các nhóm DTTS.

Một kế hoạch thực hiện là gì: Nó sẽ bao gồm (1) khung pháp lý; (2) các hoạt động giảm thiểu tác động; (3) xác định kỹ thuật của sự phát triển; (4) sắp xếp thể chế để thực hiện; (5) tiến độ thực hiện; (6) giám sát và đánh giá; và (7) chi phí và kế hoạch tài chính.

Ai sẽ chuẩn bị các kế hoạch thực hiện: BQLDA hoặc chuyên viên tư vấn phối hợp với lãnh đạo xã, các nhà lãnh đạo dân tộc thiểu số, tham vấn với các cộng đồng DTTS và chính quyền huyện.

Ai sẽ thực hiện kế hoạch thực hiện: POs và MOIT's PMBs, Xã và những người đứng đầu của các dân tộc thiểu số.

